

Giao Chỉ và Tượng Quận

Trần Việt Bắc

(Tiếp theo và hết)

6- Đường hành quân của quân Tần cùng các diễn biến

Như đã nêu ra trong trích dẫn, nửa triệu quân Tần chia là năm đạo đóng tại 5 địa điểm để xâm lăng Bách Việt, phỏng đoán là mỗi đạo có 100 ngàn quân, người viết xin gọi tên những đạo quân này theo những nơi quân Tần đã đóng quân và đặt ngược lại thứ tự so với sách Hoài Nam Tử:

1-Đạo Dư Can, đóng tại thượng nguồn của Tín giang, trên rừng núi Vũ Di Sơn phía đông bắc của tỉnh Giang Tây.

2-Đạo Phiên Ngung, đóng gần thị trấn Quảng Châu tỉnh Quảng Đông.

3-Đạo Nam Dã, đóng tại thượng nguồn Cám (Cống) giang, phía cực nam tỉnh Giang Tây, trên rừng núi Nam Lĩnh (Ngũ Lĩnh), sát ranh giới phía bắc tỉnh Quảng Đông

4-Đạo Cửu Nghi, đóng tại thượng nguồn sông Tương cạnh Tiêu giang (một chi nhánh của sông Tương), phía cực nam tỉnh Hồ Nam, sát ranh giới phía tây bắc tỉnh Quảng Tây

5-Đạo Đàm Thành, đóng gần thượng nguồn của Nguyên giang, phía tây nam tỉnh Hồ Nam sát ranh giới phía đông tỉnh Quý Châu.

Nhận xét qua những địa điểm quân Tần đóng:

Chỉ có 4 đạo quân tiến vào Lĩnh Nam là các đạo Nam Dã, Phiên Ngung, Cửu Nghi và Đàm Thành. Đạo Dư Can không tiến vào Lĩnh Nam nhưng tiến vào Mân Việt là Phúc Kiến ngày nay.

Quân Tần đóng sát các thủy lộ chính, điều này cho thấy họ đã dùng thuyền để chuyển quân cũng như lương thảo.

Đạo Phiên Ngung đã vượt Ngũ Lĩnh, tiến sâu vào đất Lĩnh Nam và chiếm đóng vùng đồng bằng sông Chu.

Sau đây người viết xin trình bày về hoạt động của các đạo quân Tần đặt căn bản trên những địa điểm đóng quân cũng như những sử liệu liên quan.

Đạo quân ở Dư Can

Đạo Dư Can (đạo thứ 5) đóng ở Vũ Di Sơn, đạo quân này không đánh vào Lĩnh Nam, mà vượt Vũ Di Sơn để tấn công vào Phúc Kiến là đất của người Mân Việt và Đông Việt.

Theo như Sử Ký¹ và Hán thư², sau khi nước Việt của Việt vương Câu Tiễn (496-465 TCN) bị nước Sở diệt, dân chúng thất tán, hơn 200 năm sau, Tần diệt Sở (223 TCN), dân chúng lại phải di tản thêm về hướng nam là đất của người Bách Việt. Hậu duệ của Câu Tiễn là Dao cũng trong số người này, sau đó ông này đã chiếm vùng nam Chiết Giang và Phúc Kiến, dựng nên nước Mân Việt (vùng này thời Tần thuộc về Dương Châu, cuối thời Đông Hán nhập vào quận Cối Kê³). Khi quân Tần sang xâm chiếm, vua Mân Việt đã không đủ sức kháng cự, chạy sang huyện Bá Dương dưới quyền huyện lệnh Ngô Nhuế⁴ để tìm cách giúp Lưu Bang chống lại quân Tần, với hy vọng khôi phục lại Mân Việt. Khi Hán đã diệt Tần, ông Dao được nhà Hán tái phong làm Mân Việt vương.

Quân Tần hành quân sang Mân Việt như thế nào? Người viết không thấy các bộ cổ sử viết rõ. Tuy nhiên căn cứ vào một số sử liệu sơ lược cũng như địa hình và địa vật đã được tra cứu, người viết xin phỏng đoán về việc hành quân của đạo quân Tần ở Dư Can như sau:

Quân Tần từ hồ Bá Dương ngược dòng sông Dư Can lên đông tại thượng nguồn của sông này (gần thị trấn Ứng Đàm, quận Dư Can, tỉnh Giang Tây, phía đông rừng Vũ Di sơn ngày nay). Sau đó đã theo một nhánh của sông Dư Can (Tín giang) đi về phía nam, đổ bộ tại thị xã Tư Khê⁵

¹ Sử Ký, phiên dịch Hán Nôm: "Đông Việt liệt truyện đệ ngũ thập tứ: Mân Việt Vương vô chư cấp Việt Đông Hải Vương Dao (Diêu) giả, kỳ tiên giai Việt Vương Câu Tiễn chi hậu dã, **tĩnh sở thị .Tần dĩ tĩnh thiên hạ**, giai phế vi quân trưởng, dĩ kỳ địa vi Mân Trung quận . Cặp chư hầu bạn Tần , vô chư - Dao (Diêu) suất Việt quy Bá Dương lệnh Ngô Nhuế , Sở vi bá quân giả dã , **tòng chư hầu diệt Tần**".

Nguyên bản: 东越列传第五十四

闽越王无诸及越东海王摇者，其先皆越王句践之後也，**姓驺氏秦已并天下**，皆废为君长，以其地为闽中郡。及诸侯畔秦，无诸、摇率越归鄱阳令吴芮，所谓鄱君者也，**从诸侯灭**。

² **Hán thư**, phiên dịch Hán Nôm: Hán thư Địa lý chí: "Việt địa Phù Sai lập, Câu Tiễn thừa thắng phục phạt Ngô, Ngô đại phá chi, tể Cối Kê, thần phục thỉnh bình. Hậu dụng Phạm Lãi - Đại phu Chung kế, toại phạt diệt Ngô, kiêm tĩnh kỳ địa. Độ hoài dữ Tề - Tần chư hầu hội, chí công ư Chu. Chu Nguyên vương sử sử mệnh vi bá, chư hầu tất hạ. Hậu ngũ thế vi (vi) Sở, Sở diệt, tử tôn phân tán, quân phục ư Sở. Hậu thập thế, **chí Mân quân Dao (Diêu)** tá chư hầu bình Tần. Hán hưng, phục lập Dao (Diêu) vi Việt vương. Thị thời, Tần Nam Hải úy Triệu Đà diệt tự vương, truyền quốc chí (Hán) Vũ Đế thời, tận diệt dĩ vi quận vân".

Nguyên bản: 粵地，.....夫差立，句踐乘勝復伐吳，吳大破之，棲會稽，臣服請平。後用范蠡、大夫種計，遂伐滅吳，兼并其地。度淮與齊、晉諸侯會，致貢於周。周元王使使賜命為伯，諸侯畢賀。後五世為楚所滅，子孫分散，君服於楚。後十世，**至閩君搖**，佐諸侯平秦。漢興，復立搖為越王。是時，秦南海尉趙佗亦自王，傳國至武帝時，盡滅以為郡云。

³ Hậu Hán thư, phiên dịch Hán Nôm: Cối Kê quận Tần trí. Bản trị (trị) ngô, lập quận ngô, nãi di sơn âm. Lạc Dương đông tam thiên bát bách lý. Thập tứ thành, hộ thập nhị vạn tam thiên cửu thập (123,090), khẩu tứ thập bát vạn nhất thiên nhất bách cửu thập lục (481,196).

⁴ Ngô Nhuế sau này dưới thời tiền Hán là Trường Sa vương. Ngô Nhuế không phải họ Lưu, nhưng vì giúp Lưu Bang đánh Tần và Hạng Vũ, có công nên được Lưu Bang là Hán Cao Tổ phong vương.

⁵ Từ địa danh này, người viết xin phỏng đoán: nhánh sông phía nam của Tín giang có tên là Tư Khê

(Zixi 资溪) là nơi có đường đèo để vượt qua Vũ Di sơn. Vừa qua núi, đạo quân này gặp Phú Đồn Khê (Futun xi 富屯溪) là chi nhánh lớn của sông Mân. Xuôi dòng sông này, quân Tần có thể chuyển quân cũng như lương thảo đến Nam Bình, rồi theo sông Mân đến Phúc Châu để chinh phục Mân Việt. Thấy quân Tần tiến sang quá đông đảo, vua Mân Việt bỏ chạy. Vùng này rơi vào tay quân Tần.

Qua những tài liệu, người viết có nhận xét sau: đạo quân Dư Can đã xâm lăng Mân Việt, Đông Việt, sau đó đổi 2 nước này làm quận Mân Trung. Quân Tần đã chiếm đóng vùng này tới khi bị Hán diệt. Vậy **đạo quân Dư Can đã không tiến vào Lĩnh Nam.**

Việt Sử Toàn Thư, trang 25 và Việt Sử Tân Biên, quyển 1, trang 44 của sử gia Phạm Văn Sơn, cũng đã nói về việc này một cách tương tự:

"Đạo quân thứ năm ngừng lại trên sông Dư Can trong tỉnh Quảng Tây⁶ ở phía Nam hồ Phiên Dương phụ trách việc đánh Đông Việt và Mân Việt khi đó còn là những quốc gia mới chớm nở. Hai nhóm này xưa kia thần phục Sở. Sau Trung Quốc rối loạn, họ nhân đó mà giành lấy độc lập. Đông Việt bấy giờ đóng ở trung tâm điểm miền Vĩnh Gia, thuộc Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang về phía Nam Tâm Môn Loan. Mân Việt ở trung tâm điểm Mân Huyện, thuộc Phúc Châu trong địa hạt Phúc Kiến ngày nay. Thế quân Tần bấy giờ đang mạnh, việc bình định được Trung Nguyên với cái kết quả rực rỡ huy hoàng của nó khiến hai nhóm Đông Việt và Mân Việt khiếp sợ, nhờ vậy mà quân Tần thắng nhanh chóng, dễ dàng ngay trong năm đầu. Việc chinh phục xong, Tần hợp hai nước lại làm một, đặt thành quận Mân Trung. Quốc Vương bản xứ hạ xuống làm quân trưởng (tù trưởng) để cai trị dân như cũ".

Đạo quân Tần này đã thành công trong việc xâm chiếm Mân Việt và Đông Việt, hai nước này bị đặt làm một quận của nhà Tần là quận Mân Trung, gồm tỉnh Phúc Kiến và phía nam tỉnh Chiết Giang ngày nay.

Đạo quân ở Phiên Ngung

Qua sử liệu, chúng ta biết đạo quân này đã đến Phiên Ngung xâm chiếm vùng này đặt làm quận Nam Hải, quận này do Nhâm Ngao (Hiêu) làm quan úy⁷. Tuy nhiên cách tiến quân ra sao thì không thấy sử liệu nào nói rõ, vì thế người viết xin **phỏng đoán**:

Một đạo quân Tần từ vùng hồ Bá Dương, theo sông Cám tiến về phía nam, đến đóng gần Hoành Phổ quan, là Mai quan ngày nay, rồi vượt Đại Du lĩnh để tiến vào Lĩnh Nam. Sau khi vượt ải, đạo quân tiến vào Phiên Ngung bằng một chi nhánh chính của Bắc giang. Quân cũng như lương thảo theo thủy lộ này nhập vào Chu giang đến Phiên Ngung là Quảng Châu ngày nay.

⁶ Chỗ này có lẽ sách in nhầm, thay vì "Giang Tây" lại in là "Quảng Tây", vì hồ Phiên Dương (cũng gọi là Bá Dương) nằm trong tỉnh Giang Tây

⁷ Không thấy sử liệu nào viết rõ ai làm "tư lệnh" đạo quân này trên đường vào Lĩnh Nam, người viết phỏng đoán là quan úy Nhâm Ngao. Khi đã thành công trong việc xâm chiếm, đặt vùng này làm quận Nam Hải, ông ta vẫn là quan úy chỉ huy quân đội và cai trị quận này.

Tại sao đạo quân Tần chiếm Phiên Ngung không gặp bất cứ trở ngại nào (theo như cổ sử Trung quốc) ?



⁸ Hán thư, "Địa Lý chí" Phiên âm Hán Nôm: *"Nam Hải quận, Tản trí Tản bại, Uy Đà vương thủ địa. Vũ đế Nguyên Đinh lục niên khai. Thuộc Giao Châu. Hộ vạn cửu thiên lục bách nhất thập tam (19,613), khẩu cửu vạn tứ thiên nhị bách ngũ thập tam (94,253)"*.

Tuy nhiên sau khi tra cứu một cách kỹ hơn về Sử Ký của Tư Mã Thiên, cũng như Hán Thư của Ban Cố, người viết nhận thấy những đoạn sử liệu liên quan đến việc này **có những điều "bí ẩn"**, nên muốn trình bày ra đây xin thêm ý kiến:

Sử Ký, Nam Việt Uy Đà liệt truyện, bản dịch của Nhữ Thành:

Đến đời Nhị Thế, quan úy ở Nam Hải là Nhâm Ngao, ốm sắp chết, mời huyện lệnh Long Xuyên là Triệu Đà đến nói:

Tôi nghe bọn Trần Thắng làm loạn. Nhà Tần làm điều vô đạo, thiên hạ khổ cực. Bọn Hạng Vũ, Lưu Quý, Trần Thắng, Ngô Quảng đều dấy binh tụ tập quân sĩ, tranh giành thiên hạ. Trung Quốc loạn lạc chưa biết lúc nào yên. Những người hào kiệt phản Tần đều đứng lên cả. Nam Hải ở nơi xa lánh, tôi sợ quân giặc xâm lấn đến đây, nên dấy binh chặn đứt con đường mới để tự phòng bị, đợi chờ hầu có sự thay đổi. Nay gặp lúc ốm nặng. Đất Phiên Ngung nhân thế núi hiểm trở, đất Nam Hải Đông Tây rộng vài ngàn dặm, lại có người Trung Quốc giúp, cũng là nơi chủ chốt của một châu có thể lập thành nước được. Các trưởng lại trong quân không ai có thể cùng bàn việc nên tôi mời ông đến để nói.

Ngao liền làm chiếu giả cho Đà làm công việc của quan úy quận Nam Hải. Ngao chết, Đà lập tức truyền hịch báo các cửa quan Hoàn Phế, Dương Sơn, Hoàng Khê rằng:

- Quân giặc sắp đến, phải chặn ngay đường, tụ tập quân sĩ để tự bảo vệ.

Rồi dần dần ông dùng hình pháp giết các trưởng lại do nhà Tần đặt ra, dùng những người đồng đảng để thay thế. Khi nhà Tần đã bị tiêu diệt, Đà lập tức đánh chiếm lấy cả Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vũ Vương.

Hán Thư, Quyển cửu thập ngũ (95): “Tây Nam di lương Việt Triều Tiên truyện đệ lục thập ngũ (65) ”.

Lá thư này Đại Việt Sử Ký Toàn thư lược dịch lại như sau:

Nhân viết thư rằng: "Man Di đại trưởng lão phu, thân Đà, mạo muội đáng chết, hai lạy dâng thư lên hoàng đế bệ hạ. Lão phu vốn là lại cũ ở đất Việt, Cao Đế ban cho ấn [5b] thao làm Nam Việt Vương. Hiếu Huệ Hoàng Đế lên ngôi, vì nghĩa không nỡ tuyệt nên ban cho lão phu rất hậu. Cao Hậu lên coi việc nước lại phân biệt Hoa - Di, ra lệnh không cho Nam Việt những khí cụ làm ruộng bằng sắt và đồng; ngựa, trâu, dê nếu cho thì cũng chỉ cho con đực, không cho con cái. Lão phu ở đất hẻo lánh, ngựa, trâu, dê đã già. Tự nghĩ nếu không sắm lễ vật cúng tế, thì tội thực đáng chết, mới sai nội sử Phan, trung úy Cao, ngự sử Bình, ba bọn dâng thư tạ lỗi, nhưng đều không thấy trở về. Lại nghe đồn rằng, phần mộ của cha mẹ lão phu bị đập phá, anh em họ hàng đều bị giết. Vì vậy, bọn lại bàn nhau rằng: "Nay bên trong không được phản chán với nhà Hán, bên ngoài không lấy gì để tự cao khác với nước Ngô". Vì vậy mới đổi xưng hiệu là đế, để tự làm đế nước mình, không dám làm điều gì hại đến thiên hạ. Cao Hoàng Hậu nghe tin cả giận, tước bỏ sổ sách của Nam Việt, khiến cho việc sai người đi sứ không thông. Lão phu trộm ngờ là vì Trường Sa Vương gièm pha, cho nên mới đem quân đến đánh biên giới. Lão phu ở đất Việt 49 năm, đến nay đã ăm cháu rồi, những vẫn phải dậy sớm, ngủ muộn, nằm không yên chiếu, ăn không biết ngon, mắt không trông sắc đẹp, tai không nghe tiếng chuông trống, chỉ vì không được làm tôi nhà Hán mà thôi. Nay may được bệ hạ có lòng thương đến, được khôi phục hiệu cũ, cho thông sứ như trước, lão phu dù chết xương cũng không nát. Vậy xin đổi tước hiệu, không dám

xung để nữa. Kính cần sai sứ giả dâng một đôi ngọc bích trắng, 1.000 bộ lông chim trả, 10 sừng tê, 500 vỏ ốc màu tía, 1 giỏ cà cuống, 40 đôi chim trả sống, 2 đôi chim công. Mạo muội liệu chết, hai lạy dâng lên hoàng đế bệ hạ".

Qua sử liệu trên, người viết thấy có những câu đáng chú ý:

“Lão phu ở đất Việt 49 năm, đến nay đã ẵm cháu rồi”⁹

Câu này trích trong thư của Triệu Đà gửi cho Hán Văn Đế (179 TCN-157 TCN) khi ông vừa lên ngôi và cử Lục Giả làm sứ nhà Hán sang Nam Việt. Đây là một đoạn trích trong một tài liệu ngoại giao- thư giao hiếu giữa hai nước- là một sử liệu có tính cách khả tín vì có văn kiện dẫn chứng. Nếu căn cứ vào sử liệu này; thì Triệu Đà đã hiện diện ở Lĩnh Nam 49 năm, tức là năm 228 TCN (179 TCN + 49 = 228 TCN), năm nước Triệu bị Tần diệt.

Nếu căn cứ vào sử liệu này thì Triệu Đà đã không theo đám quân Tần tiến vào Lĩnh Nam, vì ông đã ở đây từ trước.

"Mời huyện lệnh Long Xuyên là Triệu Đà"

Vậy theo Hán Thư của Ban Cố thì Triệu Đà không theo quân Tần tiến vào Phiên Ngung. Triệu Đà có công trạng gì trong chiến dịch này để có thể được phong làm huyện lệnh Long Xuyên là một trong 7 huyện của quận Nam Hải? Người viết nghĩ là ông ta phải làm một việc gì có công trạng lớn với đạo quân này.

"Tôi nghe bọn Trần Thắng làm loạn.....Nam Hải ở nơi xa lánh, tôi sợ quân giặc xâm lấn đến đây, nên định dấy binh chặn đứt con đường mới để tự phòng bị, đợi chư hầu có sự thay đổi".¹⁰

Tần Thủy hoàng chiếm đất của Bách Việt và đặt làm quân huyện năm 214 TCN, chết năm 210 TCN. Trần Thắng, Ngô Quảng khởi nghĩa năm 209 TCN. Biết được các lực lượng nổi lên chống nhà Tần tại trung nguyên, Nhâm Ngao cũng có ý định xây dựng riêng cho mình một cơ đồ. Ông dự trù mang quân chặn đường từ Hoa Nam sang Lĩnh Nam bằng cách đưa quân đóng chặn tại các cửa ải, đợi thời cơ cũng như nghe ngóng tin tức về những đạo quân chống nhà Tần, nếu gặp cơ hội tốt, biết đâu có thể đạt được mộng đế vương. Tuy nhiên, giấc mộng của Nhâm Ngao đã không thành, vì biết mình bị bệnh sắp chết. Không biết rõ ông này chết năm nào, tuy nhiên chúng ta biết được là sau năm 209 TCN, vì từ câu nói "Tôi nghe bọn Trần Thắng nổi loạn".

Tuy nhiên trong Sử Ký, quyển 118, "Hoài Nam Hành Sơn liệt truyện (58)" lại nói về việc Triệu Đà khi đã làm quan Ủy quận Nam Hải, đã xin Tần Thủy Hoàng 30 ngàn phụ nữ cho đạo quân nam chinh này. Tần Thủy Hoàng đã đồng ý và cung cấp một nửa số người mà Triệu Đà xin là

⁹ Hán thư : *Lão phu xứ Việt tứ thập cửu niên, vu kim bảo tôn yên*
老夫处粤四十九年，于今抱孙焉

¹⁰ *Nam Hải tịch viễn, ngô khủng đạo binh xâm địa chí thử, ngô dục hưng binh tuyệt tân đạo, tự bị, đãi chư hầu biến.*
南海僻远，吾恐盗兵侵地至此，吾欲兴兵绝新道，自备，待诸侯变

15 ngàn người ¹¹. Chỗ này người viết nhận thấy sử liệu trong Sử Ký có sự mâu thuẫn về thời điểm, vì Tần Thủy Hoàng vẫn còn sống đến năm 210 TCN. Ít nhất là Sử Ký đã sai biệt một năm trong vấn đề này.

"Các trưởng lại trong quận không ai có thể cùng bàn việc ấy" ¹²

Rồi Nhâm Ngao gọi Triệu Đà đến để nói lên việc ông ta muốn làm: **phản nhà Tần!** Ông ta không thể nói việc này với bất cứ các trưởng lại của nhà Tần. Ấm chỉ việc Nhâm Ngao không tin ai khác ngoài Triệu Đà về dự định muốn dựng một nước mới tại Lĩnh Nam rồi lên làm vua. Điều này đã nói lên việc Triệu Đà không cùng phe phái với bọn trưởng lại của nhà Tần.

"Rồi dần dần ông dùng hình pháp giết các trưởng lại do nhà Tần đặt ra, dùng những người đồng đảng để thay thế" ¹³

Câu này cũng nói lên việc đã nêu trên: Triệu Đà không phải là người của nhà Tần cử sang, mà Triệu Đà có "đồng đảng riêng", để thay thế những trưởng lại của nhà Tần đã bị ông loại bỏ khi ông lên làm quan Ủy của quận Nam Hải.

Đặt căn bản từ các sử liệu trong cổ sử của Trung Quốc, để các sự việc có thể liên quan với nhau một cách hợp lý- theo hiểu biết và suy luận cá nhân, người viết xin đưa ra phỏng đoán như sau:

Triệu Đà đã đến Lĩnh Nam từ năm 228 TCN ¹⁴ khi quân Tần xâm lăng nước Triệu. Ông được phong làm huyện lệnh ở Long Xuyên là một trong 7 huyện ở quận Nam Hải, khi Nhâm Ngao mang quân đến Phiên Ngung.

Triệu Đà có lẽ là họ hàng của vua nước Triệu là Triệu Thiên (235 TCN – 228 TCN, cháu 3 đời của Triệu Vũ Linh Vương, 325 TCN -299 TCN), hay thân thích với Triệu Gia là thế tử của họ

¹¹ Sử Ký, quyển 118, Hoài Nam Hành Sơn liệt truyện 58: "*Hựu sử Uy Đà thu Ngũ Lĩnh công Bách Việt. Uy Đà tri Trung Quốc lao cực, chỉ vương bắt lại, sử nhân thượng thư, cầu nữ vô phụ gia giả tam vạn nhân, dĩ vi (vị) sĩ tốt y bổ. Tần hoàng đế khả (khắc) kỳ vạn ngũ thiên nhân*". 又使尉佗踰五嶺攻百越。尉佗知中國勞極，止王不來，使人上書，求女無夫家者三萬人，以為士卒衣補。秦皇帝可其萬五千人。

Việt Sử Toàn Thư của ông Phạm Văn Sơn trang 27 cũng viết như sau: "một vạn năm ngàn phụ nữ Hán mà Triệu Đà được nhà Tần cấp cho để giữ việc may vá cho quân lính nên ngay từ thời Nam Việt còn thịnh đạt đã có sự pha trộn giữa hai dân tộc Hán Việt..."

¹² *Quận trung trưởng lại vô túc dư ngôn giả, cố Triệu công cáo chi*
郡中长吏无足与言者，故召公告之

¹³ *Nhân sảo dĩ pháp tru Tần sở trí trưởng lại, dĩ kỳ đảng vi giả thủ*
因稍以法诛秦所置长吏，以其党为假守

¹⁴ Có thể Triệu Đà đến Âu Lạc hay Tây Âu là hai nước tương đối lớn ở Lĩnh Nam theo đường biển ?

Triệu ¹⁵. Ông đã trốn đi từ nước Triệu đến Lĩnh Nam khi quân Tần đánh Triệu, bằng cách nào thì không rõ ? Tại Lĩnh Nam với ý chí muốn dựng lại cơ đồ của họ Triệu tại vùng đất mới, Triệu Đà đã hoà mình với nếp sống của người Bách Việt. Với khả năng và hùng chí (qua lời của ông nói với sứ giả của nhà Hán là Lục Giả ¹⁶) ông đã được người Bách Việt coi như là thủ lĩnh (tại Phiên Ngung?). Quân Tần kéo sang, Triệu Đà biết không có đủ binh lực để chống cự ¹⁷, nên ông đã đầu hàng Nhâm Ngao và tạo mọi điều kiện dễ dàng để lấy lòng ông quan Úy này rồi chờ cơ hội! Nhâm Ngao thấy việc tiến quân và chiếm đóng thuận lợi, nên tin tưởng Triệu Đà.

Khi biết được trung nguyên có những lực lượng nổi dậy chống lại nhà Tần vì chế độ khắc nghiệt. Nhâm Ngao cũng muốn phân lại nhà Tần để tạo riêng cơ đồ. Tuy nhiên, biết mình không thể làm được vì bệnh hoạn sắp chết, ông ta gọi Triệu Đà là người mà ông đã tin tưởng để nói lên mộng của mình: phân nhà Tần, dùng binh lực sẵn có để cát cứ ở quận Nam Hải, lợi dụng địa thế (Ngũ Lĩnh) để dựng nước riêng. Triệu Đà đã gặp cơ hội hiếm có - làm quan Úy của quận Nam Hải với chiếu chỉ giả mạo - ông đã làm theo ý của Nhâm Ngao để thoả mộng riêng của mình. Triệu Đà đã làm được việc lớn lao: dựng nên nước Nam Việt, chiếm Âu Lạc là nước Việt cổ, mở rộng lãnh thổ, hùng cứ vùng Lĩnh Nam gần một thế kỷ (207 TCN - 111 TCN). Đến khi cháu chất là những kẻ hèn yếu, Nam Việt đã bị nhà Hán thôn tính, kéo theo Âu Lạc vào vòng Bắc thuộc.

Đạo quân Tần tiến vào Phiên Ngung đã thành công trong việc xâm lăng. Nhà Tần đặt vùng này làm quận Nam Hải, dưới quyền cai trị của quan úy là Nhâm Ngao. Nhâm Ngao chết, Triệu Đà lên thay thế.

Đạo quân Tần ở Nam Dã, Cửu Nghi và Đàm Thành

Sau khi đạo quân Phiên Ngung đã vượt Hoành Phô quan tiến sâu vào Lĩnh Nam, hai đạo quân khác dưới sự lãnh đạo của Lâu thuyền tướng quân là quan Úy Đồ Thư đến hồ Động Đình, rồi chia quân theo các thủy đạo chính đến đóng tại Đàm Thành, Cửu Nghi. Đạo Nam Dã từ hồ Bá Dương đến Hoành Phô quan túc trực. Ba đạo quân với khoảng 300 ngàn người gồm có các lính "chính quy" và " *những người thường trốn tránh, những người ở rể và những người đi buôn*" (ĐVSKTT). Họ đã gặp sự kháng cự mạnh mẽ của người Bách Việt tại Lĩnh Nam (đa số là dân tộc Tráng (Zhuang 壮) ngày nay, một dân tộc đã định cư lâu đời ở vùng này).

¹⁵ Phỏng đoán : Triệu Đà đã chạy qua (nước) Trung Sơn (đã bị Triệu chiếm từ năm 295 TCN), đến Tề, sau đó đã đi bằng đường biển từ Bồ Hải đến Lĩnh Nam.

Sử Ký, quyển 43, "Triệu thế gia": sau khi Triệu Thiên bị Tần bắt sống, thái tử Triệu Gia là con của Triệu Điều Tương vương được các đại phu của nước Triệu (228 TCN) lập làm vua nước Đại (một quận của nước Triệu). Sáu năm sau là năm 222 TCN, nước Đại bị Tần diệt và đặt vùng này làm quận Đại. Qua sự việc này người viết phỏng đoán Triệu Đà có thể là tôn thất của Triệu Thiên hay Triệu Gia.

¹⁶ ĐVSKTT: Lời của Triệu Vũ Vương Đà: "*Vua cười và nói: "Tôi lấy làm giận không được nổi dậy ở bên ấy, biết đâu chẳng bằng nhà Hán?" Giả ngồi im lặng, sắc mặt tiu ngầu*".

¹⁷ Sử Ký, Lục Sinh Lục Giả liệt truyện, lời của Lục Giả: "... Nay dân của nhà vua chẳng qua vài chục vạn, đều là man di, cô độc, ở giữa nơi núi non, biển cả". Hán Thư cho biết con số kiểm kê thời Tiền Hán, quận Nam Hải có "19613 hộ, 94255 khẩu". Lục Giả nói khá đúng về dân số vùng này, vì dân "Man Di" chưa chắc đã muốn tham gia việc nhà Hán kiểm kê dân số.

Sách Sử Ký của Tư Mã Thiên quyển 112 " *Bình Tân hầu Chủ Phụ liệt truyện đệ ngũ thập nhị*" viết về việc này mà người viết xin tạm dịch ¹⁸ như sau (xin độc giả bỏ tước cho khả năng yếu kém về Hán học của người viết): "*Lại sai quan úy Đồ Thụ làm lâu thuyền tướng quân mang quân đánh Bách Việt, sai Sử Lộc ¹⁹ đào kinh để chuyển lương đi sâu vào đất của người (Bách) Việt, người (Bách) Việt bèn ẩn trốn. Mất nhiều ngày chờ đợi, lương thực bị hết, rồi bị người (Bách) Việt phản công, quân Tần thua trận. Nhà Tần sai quan úy Đà làm tướng giữ đất Việt ²⁰. Lúc này, nhà Tần đang bị mắc cái họa Hung Nô ở phía bắc, (Bách)Việt ở phía nam, quân đội trấn giữ ở vùng đất vô dụng, **tiền không xong, lui chẳng được**. Hơn mười năm trời, nam thì phải mang giáp, nữ thì phải lo vận chuyển, khổ sở khó mà sống. "Từ kinh ư đảo thu" ²¹, người ta nhìn nhau chết. Đến khi vua nhà Tần băng hà thì thiên hạ nổi lên chống lại (nhà Tần)".*

Sách Hoài Nam Tử: "*Ba năm quân không cời giáp, lúc nào cũng phải mang theo cung nỏ. Sử Lộc không tìm được hướng (để tiến quân), mới tuyển lính đào kinh để chuyển binh lương đánh người (Bách) Việt, giết vua Tây Âu là Dịch Hu Tống. Vì vậy người (Bách) Việt vào rừng rậm sống chung cùng muông thú, không chịu để quân Tần bắt làm tù binh. Họ kén chọn người tài trí và kiệt tuấn làm tướng, cứ đến đêm tối tấn công quân Tần, đạt được chiến thắng lớn, giết quan úy Đồ Thụ, quân Tần chết cả chục vạn".*

Chính tác giả sách Hoài Nam Tử là Lưu An viết: ĐVSKTT, tập1, trang 147 viết: "*Hoài Nam Vương [Lưu] An dâng thư can rằng: "..... Vừa rồi mấy năm liền không được mùa, sinh kế của dân chưa lại như cũ, nay phát binh lấy lương, đi mấy nghìn dặm lại thêm rừng sâu tre rậm, nhiều rắn độc thú dữ, tháng hè mùa nắng, các bệnh thổ tả hoặc loạn phát ra luôn, tuy chưa từng ra quân độ kiểm mà chết chóc tât đã nhiều rồi.... Nay đem quân vào đất họ, họ tất sợ hãi, trốn vào rừng núi; nếu ta bỏ về, thì họ lại họp đàn tụ lũ, nếu ta ở để giữ, thì hết năm này sang năm khác, quân lính mệt mỏi, lương thực thiếu hết, một phương có việc gấp, thì bốn mặt đều sợ. Thần sợ rằng biến cố sẽ sinh, gian tà sẽ nổi, đều là bắt đầu từ đây cả...."*

Dù đây chỉ là biểu của Lưu An khuyên Hán Vũ Đế về việc đánh Mân Việt, nhưng cũng nói lên phần nào về thủy thổ của Lĩnh Nam thời đó. Những đạo quân của Đồ Thụ đã gặp những trở ngại

¹⁸ Sử Ký quyển 112-: Bình Tân hầu Chủ Phụ liệt truyện đệ ngũ thập nhị. Viết về Phúc thừa tướng Công Tôn Hoàng. Nguyên bản :

"又使尉屠睢将楼船之士南攻百越。凿渠运粮***，深入越，越人遁逃。旷日持久，粮食绝乏，越人击之，秦兵大败。秦乃使尉佗将卒以戍越。当是时，秦祸北构於胡，南挂於越，宿兵无用之地，进而不得退。行十馀年，丁男被甲，丁女转输，苦不聊生，自经於道树，死者相望。及秦皇帝崩，天下大叛。

Phiên âm Hán Nôm: "*Hựu sử úy Đồ Thụ tướng lâu thuyền chi sĩ nam công Bách Việt, sử giám Lộc tạc cù vận lương, thâm nhập Việt, Việt nhân độn đào. Khoáng nhật trì cửu, lương thực tuyệt phạp, Việt nhân kích chi, Tần binh đại bại. Tần nãi sử úy Đà tướng tốt dĩ thủ Việt. Đương thị thời, Tần họa bắc cấu ư Hô, nam quải ư Việt, túc binh vô dụng chi địa, tiến nhi bất đắc thoái. Hành thập dư niên, đình nam bị giáp, đình nữ chuyển thâu, khổ bất liêu sinh, tự kinh ư đảo thụ, tử giả tương vọng. Cập Tần hoàng đế băng, thiên hạ đại叛."*

*** 集解韦昭曰：“监御史名禄也”: Tập giải Vi Thiệu viết: “giám ngữ sử danh Lộc dã” là giám quan tên là Lộc

¹⁹ Người viết vẫn dùng tên Sử Lộc như ĐVSKTT, mặc dù Vi Thiệu giải thích đây là giám quan có tên là Lộc.

²⁰ Lúc này quan Úy Đà đã thay Nhâm Ngao coi quận Nam Hải. Người viết lạm nghĩ câu này có ý nói là: "Nhà Tần sai Triệu Đà hãy cố thủ đất Nam Việt là vùng đất đã chiếm được của người Bách Việt "

²¹ Người viết xin đề nguyên Hán Nôm vì không hiểu rõ câu này.

và khó khăn hơn nhiều, vì diễn biến xảy ra ở sâu trong cõi Lĩnh Nam, địa thế và khí hậu còn khắc nghiệt hơn nữa. Qua sách "*Thủy Kinh chú sớ*", bản dịch của ông Nguyễn Bá Mão, trang 429, học giả Dương Thủ Kính dịch lại Hậu Hán Thư như sau²²: "*Thủ Kính chú: theo "Mã Viện liệt truyện", năm thứ 18 (năm 420), đóng quân ở Lăng Bạc sau khi bình định Giao Chỉ, nói với viên lại thuộc rằng:.... Khi ta ở khoảng giữa Tây Lý, Lăng Bạc, lúc bọn giặc chưa bị diệt, khí độc bốc lên ngọt ngọt, ngẩng lên trời trông thấy con diều hâu rơi xuống nước*"²³..."

Qua những tài liệu này, chúng ta biết rõ là 3 đạo quân dưới sự lãnh đạo của Đồ Thư đã bị thiệt hại đáng kể. Quân Tần bị ở trong thế "tiến thoái lưỡng nan", quân lính và "lao công chiến trường" không quen thủy thổ và khí hậu, lại thiếu lương thực, đưa đến sự suy nhược về sức khỏe, gây ra rất nhiều bệnh tật cho đạo quân này. Mùa hè ở Lĩnh Nam nhiệt độ khá cao lại ẩm thấp là cơ hội phát triển những bệnh dịch như dịch tả, dịch hạch và sốt rét. Những bệnh này đã gây nên tỷ lệ tử vong cho quân Tần khá cao. Ngoài ra, vùng này là rừng rậm nhiệt đới, đầy rẫy thú dữ như hùm beo và các độc vật như rắn rết, bọ cạp, muỗi, mòng v.v..., những thứ này cũng đã giết hại quân Tần và những kẻ lao công không ít.

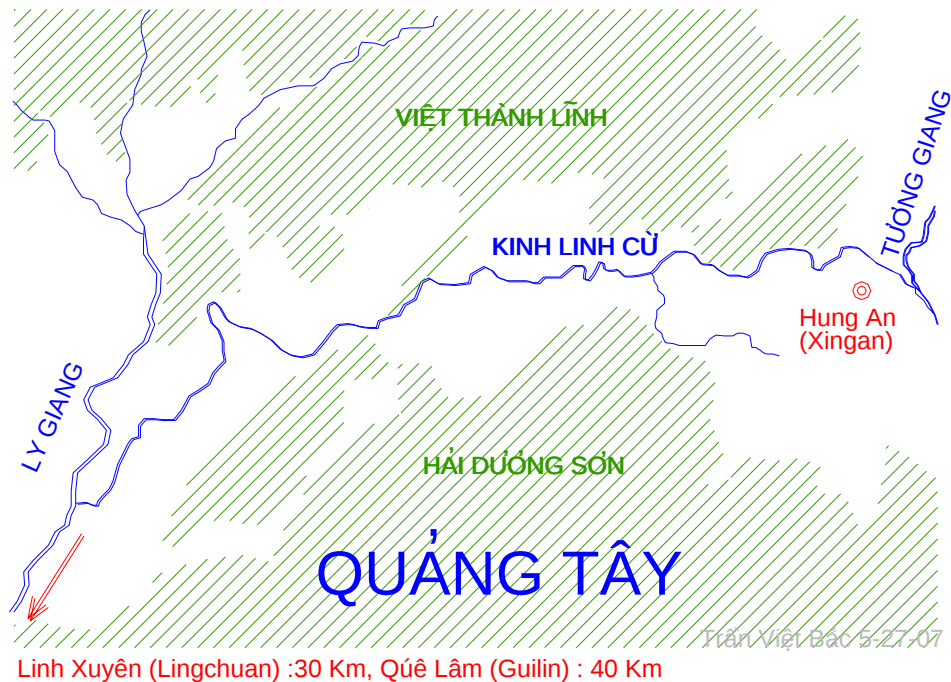
Chúng ta không biết rõ số người đi nam chinh này bị tử vong vì những lý do riêng biệt, tuy nhiên tổng số tổn thất về nhân mạng được Lưu An viết lại một cách tổng quát là "*quân Tần chết cả chục vạn (phục thi lưu huyết số thập vạn)*"²⁴". Đây là nhận xét đại cương về những khó khăn và trở ngại mà các đạo quân Tần đã vướng phải khi kéo quân vào sâu vào Lĩnh Nam.

Tìm hiểu các diễn biến trong việc nam chinh của quân Tần:

²² Hậu Hán Thư quyển nhị thập tứ (quyển 24), Mã Viện liệt truyện đệ thập tứ (liệt truyện quyển 14).

²³ Mã Viện có lẽ bị hoa mắt do "*khí độc bốc lên ngọt ngọt*", nhìn thấy cảnh diều hâu lao xuống bắt mồi lại tưởng là bị "*khí độc*" làm chết rơi xuống nước. Những sinh vật sống ở vùng nhiệt đới đã quen với khí hậu ở đây không đến nỗi khổ sở như cảm giác của người bắc phương.

²⁴ Nguyên văn: "伏尸流血 數十萬"



Bản đồ số 10: Kinh Linh Cù (được vẽ lại từ Google Earth) ²⁷

Kinh Linh Cù được khởi công đào từ năm 219TCN do thiết kế của giám quan Sử Lộc. Đạo quân nam chinh của Tần Thủy Hoàng đã đào núi làm sông để chuyển lương. Đây là một trong hai công trình thủy đạo²⁸ cổ thời nổi tiếng mà người Trung Quốc tự hào.

Kinh Linh Cù²⁹ dài 33.1Km (khoảng 20 miles, một phần ba lượng nước sông Tương được tách vào kinh này chảy sang sông Ly ở phía tây. Kinh Linh Cù chảy theo hướng đông sang tây, nối Tương giang - một chi lưu của sông Dương Tử - với Ly giang- một chi lưu của Tây giang. Kinh Linh Cù là một gạch nối giữa hai hệ thống sông ngòi lớn của Trung Quốc. Qua hơn 2000 năm, công trình thủy đạo này vẫn đứng vững. Ngày nay kinh Linh Cù không còn dùng làm thủy đạo, nhưng vẫn dẫn nước sông Tương để tưới khoảng 2700 mẫu (hecta) đồng ruộng ở vùng này, và là nơi để du khách ngắm cảnh gần vùng Quê Lâm.

²⁷ Độc giả có thể vào trang web sau để xem thêm về kiến trúc của kinh Linh Cù:
<http://zh.wikipedia.org/wiki/%E7%81%B5%E6%B8%A0>

²⁸ Đô Giang yển ở đất Thục (Tứ Xuyên) là một công trình thủy đạo khác, do Tần Chiêu Tương vương (306TCN-251 TCN) sai Lý Băng dùng hàng vạn nhân công xẻ núi đắp đập lấy nước sông Mân tưới vùng đồng bằng Thành Đô.

²⁹ Độc giả có thể vào những trang web dưới đây để đọc thêm:
http://www.chinaplanner.com/guangxi/gxi_nort.htm,
http://www.gxtravel.com/Scenery/ReadScenery.asp?Scenery_ID=18
<http://www.icold-cigb.org.cn/icold2000/st-c4-02.html>

Quân Tần hoàn tất việc đào kinh lúc nào thì không thấy tài liệu nào nói rõ, có vài tài liệu nói là năm 214TCN, tuy nhiên thời điểm này không được kiểm chứng qua sử liệu. Người viết phỏng đoán là việc đào kinh này tốn khoảng 3 năm (hoàn tất năm 216 TCN), số nhân công khoảng 30 đến 50 ngàn người với dụng cụ thô sơ đã đào một con kinh với 33 Km chiều dài, rộng trung bình 10 m (30 feet) sâu khoảng 1 mét, nằm giữa Hải Dương sơn và Việt Thành lĩnh.

Khi mang một đạo quân nam chinh đông đảo đến đóng đồn các nơi trên Ngũ Lĩnh, việc tiếp tế lương thực là một điều tối cần thiết. Để cung cấp cho 4 đạo quân trường chinh này (Đàm Thành, Cửu Nghi, Nam Dã và Phiên Ngung), một số lượng lương thực khổng lồ đã phải chuyển vận qua núi để mang đến phía nam. Dùng đường bộ băng qua các cửa quan hiểm trở, để tiếp tế cho đạo quân 400 ngàn người ắt là một việc không thể thi hành được, vì thế thủy đạo Linh Cừ được tạo dựng cho mục đích này.

Đường hành quân của ba đạo quân này như thế nào? Người viết có phỏng đoán như sau:

Vận chuyển lương thực và tiếp liệu.

Đạo quân ở Phiên Ngung qua sự giúp đỡ của Triệu Đà (như đã trình bày theo thiên ý cá nhân ở phần trước), cũng như đóng quân ở châu thổ sông Chu, sau thời gian ngắn hạn đã có thể tự trông rọt để tự cung cấp lương thực. Tuy nhiên ba đạo quân còn lại, vì đóng quân cũng như tiến quân vào vùng núi non hiểm trở đã không có được may mắn này.

Đạo quân đóng ở Đàm Thành từ hồ Động Đình, theo sông Nguyên đến đóng ở đây. Sau đó bằng một chi lưu ở hữu ngạn phía nam của Nguyên giang là Vu thủy đã vượt Việt Thành lĩnh ở Ly Thủy quan tiến vào vùng Quế Lâm ngày nay. Với số lương thực ngắn hạn, đạo quân chiếm cứ vùng này để đào kinh vận lương. Như đã viết trong cước chú, dân bản xứ ở vùng này rất thưa thớt, vì mãi tới thời Tiền Hán theo thống kê, hai quận Uất Lâm và Thương Ngô rộng lớn (tương đương với quận Quế Lâm thời Tần, nửa phần tỉnh Quảng Tây phía đông bắc ngày nay) chỉ có 217322 người kể cả người già, đàn bà và trẻ nhỏ. Tuy nhiên hầu hết số dân này tụ tập tại phía nam gần những hợp lưu của Ly giang, Uất giang, Hồng Thủy hà, Hữu giang, Tả giang và Tây giang. Quân Tần vượt núi tiến vào vùng Quế Lâm gần như chỗ không người. Nhưng đạo quân này đã không thể tiến xa thêm, vì bị giới hạn về lương thực cho việc chinh chiến lâu ngày.

Đạo quân ở Cửu Nghi sơn cũng từ hồ Động Đình vào sông Tương để tiến về phía nam qua tỉnh Trường Sa, rồi theo một chi lưu của sông Tương là Xuân Lăng thủy đến Minh (Manh) Chủ lĩnh để đóng quân. Tuy nhiên, theo địa thế thì đạo quân này đã không tiến xa hơn, vì không có cửa quan nào thuận tiện để có thể mang theo lương thực tiếp tế dù ngắn hạn. Vì thế một phần của đạo quân này phải trở ngược lại Tương giang (có thể theo hướng mới là Tiêu giang) để phụ với đạo quân Đàm Thành trong việc đào kinh để vận chuyển lương thực. Phần chủ lực của đạo này đợi lương tiếp tế ở Tây giang để có thể qui mô vượt núi để tiến xuống phía nam.

Trong khi hai đạo Đàm Thành và Cửu Nghi đang lo mở đường để vận lương, thì đạo quân đóng ở Nam Dã từ hồ Bá Dương theo sông Cám (hay Cống) tiến về phía Nam, đến đây và đóng tại phía bắc Hoàn Phố quan. Nếu theo địa hình và khoảng cách thì đạo quân này không thể tiếp sức

cho hai đạo quân trên, mà phải chờ kinh Linh Cừ hoàn tất để lương thực có thể vận chuyển đến Tây giang. Sau đó đạo quân này vượt Hoành Phổ quan, theo Ông giang qua Hoàng Khê quan, vào Bắc giang, để đến Tây giang. Sau đó hợp với hai đạo quân trên để đánh nước **Tây Âu - vùng hợp lưu của 6 con sông lớn là Ly giang, Uất giang, Hồng Thủy hà, Hữu giang, Tả giang và Tây giang.**

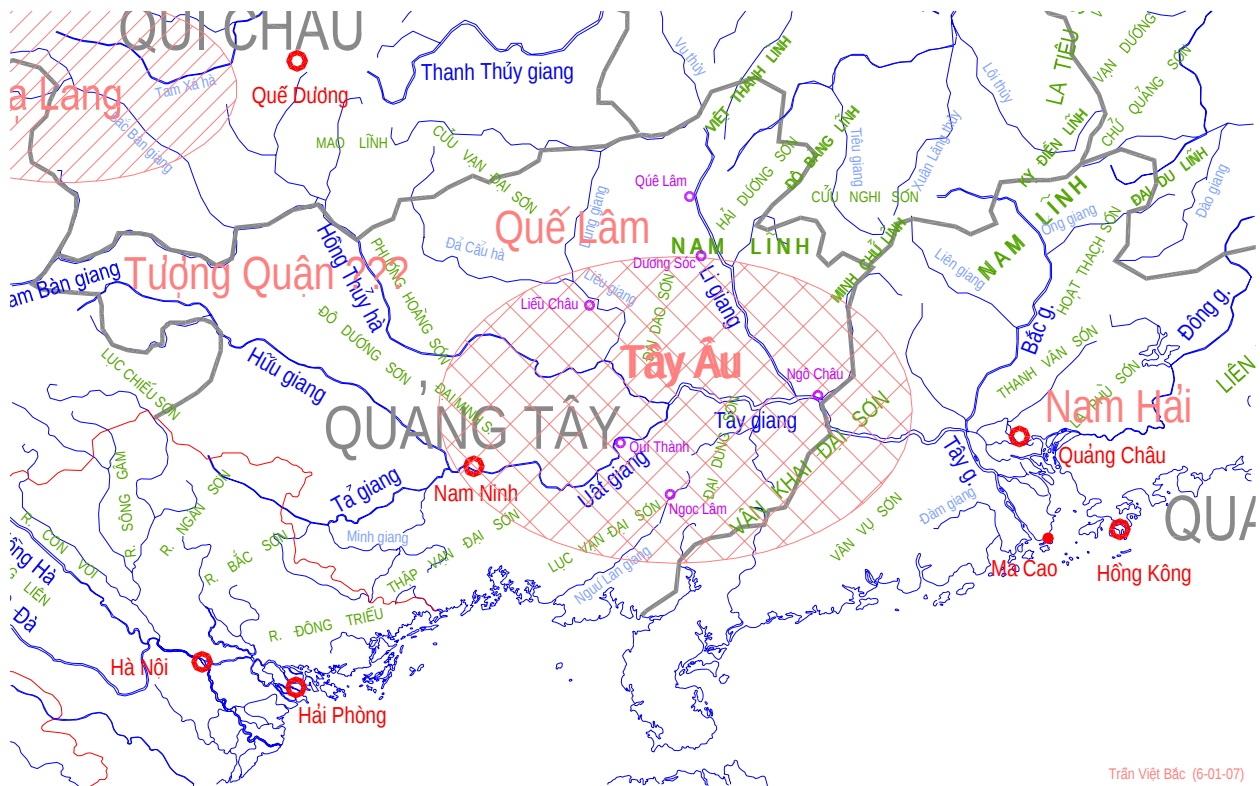
Sự chống cự của người Bách Việt

Như Sử Ký quyển 112 viết " *Hơn mười năm trời, nam thì phải mang giáp, nữ thì phải lo vận chuyển, khổ sở khó mà sống*", theo câu sử liệu này thì quân Tần đã tiến hành cuộc nam chinh từ năm 220 TCN đến năm 210 TCN là năm Tần Thủy Hoàng chết. Như đã phỏng đoán, kinh Linh Cừ khởi công từ năm 219 TCN, hoàn tất khoảng 3 năm sau là năm 216 TCN. Sử Ký quyển 6 "*Tần Thủy Hoàng bản kỷ*": năm 214 TCN nhà Tần lập 3 quận là Nam Hải, Quế Lâm và Tượng quận. Lúc này quân Tần; dưới sự lãnh đạo của Đồ Thư; đã tạm đủ lương thực và tiếp liệu dự phòng, bèn chia quân đi tấn công sâu vào Lĩnh Nam theo các thủy lộ thiên nhiên.

Như đã trình bày sơ lược về kinh Linh Cừ, kinh này nông và hẹp nên thuyền lớn không thể dùng, nhất là “lâu thuyền” là thuyền cao và đáy sâu. Người viết phỏng đoán là quân Tần đã chở tiếp liệu và vật dụng ráp thuyền bằng bè đến Ly giang, sau đó ráp nối lại thành lâu thuyền để dùng trên các sông lớn.

Khi tiến đến vùng hợp lưu của 6 con sông lớn, các đạo quân này đã gặp sự chống trả mãnh liệt của người Bách Việt.

7- Nước Tây Âu



Bản đồ số 11: Phỏng đoán vị trí nước Tây Âu

Nước Tây Âu ở đâu? Đã có nhiều giả thuyết nói đến Tây Âu qua các bài viết tham khảo khác nhau, mỗi tác giả có một nhận định khác biệt. Người viết không tìm thấy sử liệu cổ nào (hay chưa!) nói qua về địa lý của nước này cũng như vị lãnh đạo của nước này, ngoại trừ danh xưng Tây Âu được viết trong sách Hoài Nam Tử của Lưu An: "*giết vua Tây Âu là Dịch Hu Tổng*" và trong Nam Việt Ủy Đà liệt truyện của Tư Mã Thiên quyển 113 (Bản dịch của Nhữ Thành): "*Cao Hậu mất, liền bãi binh. Đà nhân đó, dùng uy lực uy hiếp nơi biên giới, đem đồ đạc của cải đút lót các nước Mân Việt, Tây Âu³⁰ Lạc để bắt họ lệ thuộc theo mình*"³¹.

³⁰ Sử Ký, quyển 113 "Nam Việt Ủy Đà liệt truyện". Tam gia chú:

集解汉书音义曰：“骆越也。”索隐邹氏云“又有骆越”。姚氏案：广州记云“交趾有骆田，仰潮水上下，人食其田，名为‘骆人’。有骆王、骆侯。诸县自名为‘骆将’，铜印青绶，即今之令长也。後蜀王子将兵讨骆侯，自称为安阳王，治封溪县。後南越王尉他攻破安阳王，令二使典主交趾、九真二郡人”。寻此骆即瓠骆也。

。

Phiên âm Hán Nôm: "*Tập giải Hán thư âm nghĩa viết: “Lạc Việt dã”. Linh sách ản Trâu thị vân “hựu hữu Lạc Việt”. Điều thị án: Quảng Châu ký vân “Giao Chỉ hữu Lạc điền, ngưỡng triều thủy thượng hạ, nhân thực kỳ điền, danh vi “Lạc nhân”. Hữu Lạc vương, Lạc hầu. Chư huyện tự danh vi “Lạc tướng”, đồng ản thanh thụ, tức kim chi lệnh trưởng dã. Hậu Thục vương tử tướng binh thảo Lạc hầu, tự xưng vi An Dương Vương, trị Phong Khê huyện. Hậu Nam Việt vương uy di công phá An Dương vương, lệnh nhị sứ điển chủ Giao Chỉ, Cửu Chân nhị quận nhân”. Tầm thử Lạc tức Âu Lạc dã*".

Để có thể phỏng đoán nước vị trí nước Tây Âu thời cổ, người viết xin tìm hiểu ai là dân bản địa vùng này trước khi quân Tần kéo đến? Họ sinh sống bằng cách nào? Đây là địa bàn hoạt động? Tìm câu trả lời đầy đủ, cần sự nghiên cứu rộng rãi và qui mô của những chuyên viên khảo cổ, các học giả uyên bác. Người viết không phải là những người này, nên chỉ xin trình bày sơ sài để có thể phỏng đoán được vị trí nước Tây Âu là nơi đã xảy ra chiến tranh với quân Tần mà cổ sử đã nói đến.

Chúng ta biết là dân Bách Việt biết trồng lúa tại Lĩnh Nam, từ trước khi có sự xâm nhập của người phương bắc. Để trồng cấy, dân Bách Việt tụ tập thành những nhóm nhỏ tại những vùng đất phẳng, gần những sông rạch để có thể lấy nước tưới ruộng đồng. Từ thời Xuân Thu về trước, tại Quảng Tây đã có những bộ lạc (cổ sử của Việt Nam thường gọi là "đông") thuộc dân tộc Tráng, một trong những dân tộc thuộc chủng Thái. Người Tráng tụ tập quanh Tây giang và những hợp lưu của sông này. Tỉnh Quảng Tây ngày nay có 49 triệu người, khoảng 16 triệu người Tráng, chiếm 32% dân số toàn tỉnh, 90% dân tộc Tráng sống tại đây.

Theo như bài viết về người Tráng ("The Zhuang") của Jeffery Barlow³², để phân loại người Bách Việt, một số các học giả Trung Quốc chia ra người Bách Việt ra làm hai loại:

- 1- Nhóm người Bách Việt phía bắc³³: ở phía bắc Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến, Chiết Giang và phía nam Giang Tô (cửa sông Dương Tử).
- 2- Nhóm người Bách Việt phía nam³⁴: ở phía tây nam tỉnh Quảng Đông, tây nam tỉnh Quảng Tây và Bắc Việt Nam.

Tuy nhiên, một số học giả Trung Quốc khác chia người Bách Việt ra làm ba loại:

- 1- Nhóm Nam Việt: gồm những người Bách Việt từ trung tâm và phía bắc Quảng Đông trở lên đến phía nam tỉnh Giang Tô là phần đất Việt thời Việt Vương Câu Tiễn.
- 2- Nhóm Tây Âu: gồm dân Bách Việt ở vùng Quý giang³⁵ và Tây giang của tỉnh Quảng Tây.
- 3- Nhóm Lạc Việt: là nhóm Bách Việt ở phía đông nam Quảng Đông, đông nam Quảng Tây, và Bắc Việt ngày nay.

³¹ 高后崩，即罢兵。佗因此以兵威边，财物赂遗闽越、西瓯、骆，役属焉，Phiên âm Hán Nôm: "Cao Hậu băng, tức bãi binh. Đà nhân thử dĩ binh uy biên, tài vật lộ di Mân Việt, Tây Âu, Lạc, dịch thuộc yên,"

³² <http://mcel.pacificu.edu/as/resources/zhuang/index.html>
The Zhuang: A Longitudinal Study of Their History and Their Culture
by Jeffrey Barlow

³³ Không tìm thấy những di chỉ về trồng đồng trong những cuộc khai quật

³⁴ Rất nhiều trồng đồng đã tìm thấy.

³⁵ Đoạn sông Ly giang từ Dương Sóc đến Ngô Châu, chỗ Ly giang nối với Tây Giang, gần ranh giới Quảng Châu

Hai nhóm sau của ba nhóm này có những di chỉ tương tự đã được tìm thấy như trống đồng, đồ gốm, các khí cụ cho nông nghiệp và vũ khí, nhưng vì địa thế khác nhau, nên cách thức canh tác để sản xuất thực phẩm chính là lúa cũng khác nhau.

Nhóm thứ hai là Tây Âu định cư ở những vùng tương đối cao (khoảng 100 m hay hơn 300 ft cao hơn mặt biển), họ trồng lúa và kê. Đến ngày nay, vùng canh tác vẫn như vậy, dù rằng đã mở mang rộng hơn vì dân số tăng.

Nhóm thứ ba là Lạc Việt, nhóm này định cư tại các vùng thấp hơn để trồng "lúa nước". Họ đã định cư lâu đời tại đồng bằng sông Mã, sông Hồng, đến Hợp Phố và có thể đến cả vùng quanh Phiên Ngung thời cổ, mà những di chỉ về dân Lạc Việt đã tìm thấy trong lăng của Triệu Văn Vương Hồ (tên khác là Triệu Mạt hay Triệu Muội, cháu của Triệu Đà) mới đây (1984) tại thành phố Quảng Châu ngày nay.

Đây là cách phân loại dân Bách Việt của các học giả Trung Quốc mà ông Jeffery Barlow đã nêu ra. Tác giả này cũng đã nêu lên những sự khác biệt về ngôn ngữ giữa những bộ tộc Tráng cũng như người Lạc Việt. Tuy nhiên ông đã đưa ra những điểm tương đồng về những sự kiện khó có thể phủ nhận là những hình vẽ không lồ trên các vách đá ở bờ sông Minh giang ³⁶ (cạnh chỗ nối với Tả giang, gần biên giới Việt Nam, cách Lạng Sơn khoảng 60 km về phía đông bắc) cùng những vùng gần đó (trong vòng 200km). Tổng cộng hơn 4000 hình ảnh, với cách trang trí, cùng việc ghi lại các hoạt động tôn giáo với hình trống đồng cũng như vũ khí tìm thấy tại Đông Sơn.

http://english.cri.cn/mmsource/images/2005/10/09/tra_te_nanning_huashan_01.jpg



http://english.cri.cn/mmsource/images/2005/10/09/tra_te_nanning_huashan_02.jpg

³⁶ Bạn đọc có thể đọc thêm tại những trang "web" sau:

<http://english.cri.cn/725/2005/10/09/202@23648.htm>

http://english.people.com.cn/english/200101/19/eng20010119_60908.html

http://www.chinaplanner.com/culture/sculpture/sp_humt.htm

Theo như những điều đã nêu trên, thì dân tộc Tráng ngày nay ở **phía nam** tỉnh Quảng Tây cũng thuộc nhóm Lạc Việt, nhưng vì điều kiện địa dư cũng như thời gian đã biến đổi cách canh tác cũng như ngôn ngữ. Dân số của dân tộc Tráng từ từ tăng, đất trồng trọt tại các thung lũng tạo bởi các sông không đủ để canh tác, người Tráng phải tiến lên các vùng cao hơn để khai khẩn và định cư. Vì thế các sườn đồi thấp trở thành các thửa ruộng với những bờ đề nhỏ bao quanh để giữ nước như chúng ta thấy ngày nay. Hình ảnh của các thửa ruộng với những bờ đề nhỏ bao quanh từ thấp lên cao đã tạo nên những bức tranh tuyệt đẹp.



<http://library.thinkquest.org/20443/pics/land/guangxi.gif>



<http://i1.trekearth.com/photos/29936/longji.jpg>

Vậy dân bản địa vùng này là dân tộc Tráng, họ đã định cư tại phía nam Ngũ Lĩnh từ lâu đời, trước thời Xuân Thu bên Trung Quốc.

Lĩnh Nam mưa nhiều, hay gây nên tình trạng lụt lội. Nước tại các dòng sông dâng cao trong mùa nước lũ, tràn ra hai bên bờ. Nước rút, để lại những lớp phù sa. Qua hàng triệu năm biến thiên của trái đất, các dòng sông này đã tạo nên những vùng đất phẳng hai bên bờ với đất đai thích hợp cho việc canh tác. Người Tráng định cư tại những thung lũng được kiến tạo bởi các dòng sông này. Nếu tính theo dân số, thì dân tộc Tráng phải chọn những thung lũng của các dòng sông tương đối lớn tại Lĩnh Nam, để có một diện tích canh tác thích hợp cho số người cư ngụ. Những hợp lưu chính của Tây giang là những sông Ly giang, Quế giang, Hồng Thủy hà, Liễu giang, Hữu giang, Tả giang và Uất giang. Đây là những nơi cư ngụ của dân tộc Tráng. Do sự định cư tương đối gần nhau, cùng một thể thức canh tác để có thực phẩm chính là lúa và kê, nuôi gia súc và săn bắn, cũng như các thực phẩm phụ thuộc như cá, tôm, nghêu, sò từ các dòng sông. Các bộ tộc người Tráng đã tạo nên một xã hội chung. Từ đây, một thể chế chính trị được thành lập tại vùng này.

Qua những nhận định trên, người viết biết được đây là nước Tây Âu - **vùng hợp lưu của các sông nổi với Tây giang** - với vị vua tên là Dịch Hu Tổng đã được nhắc tới trong cổ sử, mặc dù cương vực của nước Tây Âu chỉ là phỏng đoán.

Sau khi đào xong kinh Linh Cừ năm 216 TCN, quân Tần từ các đạo Đàm Thành, Cửu Nghi theo Ly giang tiến vào Tây Âu. Đạo quân ở Nam Dã biết có lương thực và tiếp liệu chờ sẵn, cũng tiến quân đến Tây giang, hội với hai đạo Đàm Thành và Cửu Nghi để nhận tiếp liệu và tán quân, ngược dòng các thủy đạo thiên nhiên để đánh chiếm đất của người Bách Việt.

Quân Tần lũ lượt kéo sang xâm lấn đã đe dọa đến đời sống của các bộ tộc này trầm trọng. Chúng xâm chiếm đất đai, vơ vét thực phẩm, bắt dân địa phương làm nô lệ. Tuy nhiên, người Bách Việt - qua những nhận định đã trình bày trên- là dân tộc Tráng đã " *vào rừng rậm sống chung cùng muông thú, không chịu để quân Tần bắt làm tù binh. Họ kén chọn người tài trí và kiệt xuất làm tướng, cứ đến đêm tối tấn công quân Tần,*" (Sách Hoài Nam Tử).

Dân số Tây Âu khoảng bao nhiêu? Chúng ta không biết rõ! Tuy nhiên nếu theo như Hán Thư thì Tây Âu tương đương với hai quận Uất Lâm và Thương Ngô thời Tiền Hán gom lại. Quận Uất Lâm gồm 12,415 nhà và 71,162 dân. Quận Thương Ngô gồm 24,379 nhà và 146,160 dân. Tổng cộng hai quận là 36,794 nhà và 217,322 dân. Đây là dân số thống kê thời Tiền Hán. Sau khi có chiến tranh với nhà Tần, dân số có thể bị giảm đi phân nửa, hơn nữa không phải nhà nào cũng đi kiểm kê. Vì thế người viết phỏng đoán là dân số Tây Âu khoảng nửa triệu hay hơn, khi ba đạo quân Tần với nhân số khoảng 300 ngàn người kéo đến.

Cách chiến đấu của người Tây Âu như thế nào? Qua sử liệu từ sách Hoài Nam Tử thì chúng ta biết rõ là người Tây Âu dùng du kích chiến, ban ngày thì lẫn trốn trong rừng rậm, đêm ra tấn công. Bài viết về người Tráng của tác giả Jeffery Barlow nói rất chi tiết về những vũ khí, cách tổ chức xã hội, quân đội, vũ khí của người Việt ở phía nam là người Tây Âu và Lạc Việt. Ông đã có nhận xét về lợi điểm của người Tráng là họ di chuyển rất nhanh chóng trên bộ cũng như dưới nước, họ đã chế tạo ra những thuyền bè thích ứng cho từng trường hợp để xử dụng. Đặc biệt là

vũ khí, họ dùng nỏ với tên thuốc độc là một loại vũ khí cực kỳ lợi hại, cũng như phóng lao nhọn một cách thiện nghệ. Về thông tin, để tiến lui cũng như tập kích họ dùng trống đồng với âm hiệu đặc biệt mà những âm thanh này vang rất xa, vì tiếng dội vọng theo các triền núi. Những lợi khí này đã gây nên thiệt hại đáng kể cho quân Tần. Khi vừa kéo đến Tây giang, với số quân đông đảo, quân Tần ở thế chủ động, tấn công vào các vùng trung tâm về chính trị của nước Tây Âu, giết vua của người Tráng là Dịch Hu Tông³⁷ và bắt dân Tráng làm tù binh. Họ bèn trốn vào rừng núi, tuyển người "*kiệt tuấn*" để lãnh đạo để tìm cách chống lại.

Sau khi đồn trú tại các nơi đã chiếm đóng một thời gian tại Tây Âu, quân Tần đã trở nên bị động, vì những trận phục kích bất ngờ của người Tráng, đặc biệt là về ban đêm. Như sách Hoài Nam Tử đã viết: người Tráng tại Tây Âu đã "*đạt được chiến thắng lớn, giết quan úy Đồ Thư, quân Tần chết cả chục vạn (Hán Nôm: đại phá chi, sát úy Đồ Tuy (Nôm: Thư), phục thi lưu huyết số thập vạn.* ", đây là không kể những người chết về bệnh tật.

Quân Tần đã bị "sa lầy" một cách trầm trọng tại Tây Âu như Sử Ký quyển 112 đã viết: "*quân đội trấn giữ ở vùng đất vô dụng, tiến không xong, lui chẳng được. Hơn mười năm trời, nam thì phải mang giáp, nữ thì phải lo vận chuyển, khổ sở khó mà sống (khổ bất liêu sanh)*".....

"*Tiến không xong*" vì sự chống trả mãnh liệt của người Tây Âu. Tất cả các bờ sông khe núi đều là những nơi phục kích của những người bản xứ đã quen đường đi nước bước. Nếu bị số đông quân Tần truy kích, các hang động bí mật là những nơi ẩn náu mà chỉ người địa phương mới có thể biết. Quân Tần chỉ cố thủ những đồn trại đã chiếm đóng lúc đầu (216 TCN).

"*Lui chẳng được*" vì lệnh của Tần Thủy Hoàng là phải đi xâm chiếm Lĩnh Nam để mở rộng đế quốc nhà Tần. Vì nếu thất bại kéo quân rút lui thì khó tránh khỏi sự trừng phạt, không phải chỉ những kẻ trực tiếp mà những người có liên hệ về huyết thống như cha mẹ, vợ con, anh em đều có thể bị liên lụy vì không làm tròn sứ mệnh của "bạo chúa". Vậy bằng mọi giá, đạo quân Tần phải tiến chiếm các vùng đất đai xa hơn nữa.

Phía đông của nước Tây Âu, đạo quân Tần do Nhâm Ngao lãnh đạo đã đạt được thắng lợi và đã chiếm đóng vùng này - Phiên Ngung hay Quảng Châu ngày nay.

Phía đông bắc của Lĩnh Nam đã chiếm xong nước Mân Việt và Đông Việt để lập thành quận Mân Trung - Phúc Kiến và phía nam Chiết Giang ngày nay.

Tuy nhiên, về phía nam và tây nam nước Tây Âu, quân Tần đã bị bức trường thành của người bản xứ là dân tộc Tráng ngăn chặn.

Vậy nếu muốn bành trướng thêm lãnh thổ, quân Tần chỉ còn một hướng để tiến quân và chiếm đóng là phía tây và tây bắc của nước Tây Âu. Quân Tần đã làm được việc này. Dù số quân bị chết "*cả chục vạn*", các đạo quân Tần vẫn còn "lâu thuyền" để có thể tiến xa thêm về phía tây và tây bắc vì có các thủy đạo thuận lợi và gần như không có sự phản kháng của người bản xứ.

³⁷ Có sách dịch là Trạch Hu Tông

Từ Tây giang, một đạo quân có thể ngược dòng Hồng Thủy hà, rồi theo Nam Bàn giang là sông Tường Kha³⁸ thời cổ, để tiến chiếm phía tây bắc tỉnh Quảng Tây và phía nam của tỉnh Quý Châu ngày nay.

Một đạo quân khác có thể từ Tây giang vào Hữu giang để tiến về phía tây bắc Quảng Tây, sát phía đông tỉnh Vân nam ngày nay. Tuy nhiên họ không tiến xa hơn được vì vùng cao nguyên phía đông của Vân Nam³⁹ khá cao, đây là vùng thuộc lãnh thổ của nước Điền.

Vùng tây bắc Quảng Tây và nam Quý Châu là vùng rất thưa thớt dân bản địa. Hai sông Nam Bàn giang và Hồng Thủy hà cùng những chi lưu chảy giữa những khe núi khá cao⁴⁰. Hai bên bờ sông không có những bãi đất bồi của phù sa. Tộc Tráng gần như không định cư ở vùng này vì không có đất đai để canh tác. Vì thế quân Tần chiếm đóng vùng này dễ dàng.

Đây là vùng đất mà nhà Tần đặt làm Tượng quận, vùng này ở phía tây bắc tỉnh Quảng Đông và một phần đất phía tây nam tỉnh Quý Châu ngày nay.

8- Nước Âu Lạc

Sử liệu cổ của Việt Nam, An Nam Chí Lược của Lê Tắc cũng như Việt Điện U Linh tập của Lý Tế Xuyên không nhắc đến tên Âu Lạc.

Đại Việt sử lược của tác giả Khuyết Danh, có nói đến chuyện "An Dương Vương và nhắc đến tên Âu Lạc một lần:

"Chép Việc Nhà Triệu, Triệu Vũ Đế Khi vua Cao Tổ (206-195 trước công nguyên-ND) nhà Hán dẹp yên được thiên hạ mới sai Lục Giả sang dâng ấn tín có dây tua đỏ và phong Đà làm Nam Việt Vương. Đến đời Cao Hậu² nhà Hán năm thứ 5 vua tự lập làm Hoàng đế rồi đem binh đánh Tráng Sa (tỉnh Hồ Nam) o bế dân, nên Âu Lạc, Mân Việt đều thuộc về Hoàng Đế. Đất đai đông tây rộng có hơn muôn dặm, vua ngự nhà vàng, đi xe tả đạo".

Lĩnh Nam Chích Quái nói đến tên Âu Lạc 2 lần trong "Truyện rùa vàng" như sau:

Vua An Dương Vương nước Âu Lạc là người Ba Thục, họ Thục tên Phán. Nhân vì tổ phụ ngày trước cầu hôn lấy My Nương là con gái vua Hùng Vương, Hùng Vương không gả cho, bèn mang oán. Phán muốn hoàn thành chí người trước, cử binh đi đánh Hùng Vương, diệt nước Văn Lang, cải tên nước thành Âu Lạc, rồi lên làm vua....

ĐVSKTT nhắc đến chữ Âu Lạc hai lần, và một lần của người chú thích:

³⁸ Hậu Hán Thư chỉ đề thập cửu: Tường Kha quận Vũ Đế trí. Lạc Dương tây ngũ thiên thất bách lý. Thập lục thành, hộ tam vạn nhất thiên ngũ bách nhị thập tam (31,523), khẩu nhị thập lục vạn thất thiên nhị bách ngũ thập tam (267,253).

³⁹ Côn Minh là thủ phủ của tỉnh Vân Nam (vùng nước Điền thời cổ) ở độ cao trên 6200ft (khoảng 1900m)

⁴⁰ Độc giả có thể dùng Google Earth để thấy địa thế vùng này.

ĐVSKTT : " Kỷ Nhà Thục - An Dương Vương -Họ Thục, tên húy là Phán, người Ba Thục²³, ở ngôi 50 năm, đóng đô ở Phong Khê (nay là thành Cổ Loa). Giáp Thìn, năm thứ 1 [257 TCN], (Chu Noãn Vương năm thứ 58). Vua đã thôn tính được nước Văn Lang, đổi quốc hiệu là **Âu Lạc**".

Canh Thân, năm thứ 27 [181 TCN], (Hán Cao Hậu năm thứ 7). Nhà Hán sai Lâm Lư hầu Chu Táo sang đánh Nam Việt để báo thù việc đánh Trường Sa. Gặp khi nắng to ẩm thấp, bệnh dịch phát, bèn bãi quân. Vua nhân thế dùng binh uy và của cải để chiêu vỗ Mân Việt và **Âu Lạc** ở phía tây (tức là Giao Chỉ và Cửu Chân), các nơi ấy đều theo về, từ đông sang tây rộng hơn vạn dặm. Vua ngồi xe mui vàng, dùng cờ tả đạo⁴⁸, cho là nghi vệ ngang với nhà Hán.

Canh Ngọ, năm thứ 1 [111 TCN], (Hán Nguyên Đế năm thứ 6)....

Bấy giờ quân của Hạ lại và Qua thuyền tướng quân, cùng quân Dạ Lang của Trì Nghĩa hầu chưa đến mà nước Việt ta đã bị Lộ Bác Đức và Dương Bộc dẹp yên rồi. (Bấy giờ nước Việt ta sai ba quan sứ⁵⁸ đem 300 con trâu, 1.000 chung rượu và sổ hộ của 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam đến xin hàng; Lộ Bác Đức nhân đó cho ba người ấy làm thái thú ở 3 quận để trị dân như cũ). Từ đó [nhà Hán] lấy đất chia làm 9 quận là: Nam Hải (quận của nhà Tần, nay là đất Quảng Đông nhà Minh), Thương Ngô (nhà Đường gọi là Ích Châu 59, xưa là **Âu Lạc**, đất của nước Việt ta) ⁽⁹⁶⁾⁴¹, Uất Lâm (nhà Tần là quận Quế Lâm, Hán Vũ Đế đổi làm tên này), Hợp Phố (nhà Tần là Tượng Quận, nay thuộc Liêm Châu), Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (đều là Tương Quân thời Tần) ⁽⁹⁷⁾⁴², Châu Nhai, Đạm Nhĩ (đều ở trong biển lớn). Từ đây nhà Hán bắt đầu [17b] đặt Thứ sử, Thái thú. Chế độ nhà Hán đặt Thứ sử cai trị một châu, Thái thú cai trị một quận (quận là cấp dưới của châu)....

Cổ sử của Trung Quốc đã nói đến nước Âu Lạc ra sao?

Sử ký của Tư Mã Thiên quyển 113 - Nam Việt Uy Đà liệt truyện đệ ngũ thập tam đã nhắc tới tên nước Âu Lạc 3 lần và chữ "Tây Âu Lạc" một lần.

Bản dịch của Phan ngọc: "... Được hơn một năm, Cao Hậu mất, liền bãi binh. Đà nhân đó, dùng uy lực uy hiếp nơi biên giới, đem đồ đạc của cải đốt lột các nước Mân Việt, **Tây Âu Lạc** để bắt họ lệ thuộc theo mình. Đất đai của Đà chiêu ngang có hơn vạn dặm. Đà bèn đi xe mui lụa màu vàng cầm cờ tả đạo, mệnh gọi là "chế", chẳng kém gì Trung Quốc".⁽⁹⁸⁾⁴³

⁴¹ (96) Ghi chú số 59 của dịch giả sách ĐVSKTT: "59 Thương Ngô là tên quận đặt thời Hán, nhà Đường đổi gọi là Ngô Châu (nay là huyện Thương Ngô, tỉnh Quảng Tây), chứ không phải là Ích Châu (nay là Tứ Xuyên) như người chú thích nguyên bản đã nhầm".

⁴² (97) Đây là trọng tâm của đề tài mà người viết đang cố trình bày.

⁴³ (98) Sử Ký, Nam Việt Uy Đà liệt truyện- Phiên âm Hán Nôm: "Tuế dư, Cao hậu băng, tức bãi binh. Đà nhân thử dĩ binh uy biên, tài vật lộ di Mân Việt - Tây Âu - Lạc, dịch thuộc yên, đông tây vạn dư lý. Nãi thừa hoàng ốc tả đạo, xưng "chế", dư /dữ Trung Quốc mầu. ...". Nguyên văn:

“Thần tên là Đà, là một kẻ già ở man di. Ngày trước Cao Hậu gạt bỏ Nam Việt, thần trộm ngò Trường Sa Vương đã gièm pha thần. Lại nghe đồn Cao Hậu giết hết họ hàng Đà, đào mồ mã, đốt hài cốt cha ông Đà. Vì thế nên liều mạng xâm phạm biên cảnh quận Trường Sa. Và lại phương Nam đất thấp, ẩm, dân man di ở vào giữa. Ở phía Đông đất Mân Việt chỉ vền vện nghìn người, cũng xưng hiệu là “vương”; ở phía Tây, nước **Âu Lạc** là nước trần truồng, cũng xưng là “vương”. (99)⁴⁴

Thương Ngô Vương là Triệu Quang là người cùng họ với Việt Vương, nghe quân nhà Hán đến, cùng quan huyện lệnh Kê Dương của Việt tên là Định tự quyết định đi theo nhà Hán; quan giám quận Quế Lâm của Việt tên là Cư Ông dụ dân **Âu Lạc** đi theo nhà Hán. Những người này đều được phong tước hầu. Quân của qua thuyền Hạ Lệ tướng quân cùng quân Dạ Lang mà Trì Nghê Hầu đem đi, chưa xuống đến nơi, thì Nam Việt đã dẹp yên rồi. (100)⁴⁵

"Thái sử công nói: Úy Đà làm vương vốn do ở Ngâm Ngao, gặp lúc nhà Hán mới bình định thiên hạ, ông được liệt vào hàng chư hầu. Lâm Lư Hầu ngại khí thấp, bệnh dịch, không đi đánh, Đà càng được thể kiêu căng. **Âu Lạc** đánh nhau làm rung động nước Nam Việt". (101)⁴⁶

Chữ Âu Lạc để chỉ nước cổ Việt của dân Lạc Việt thời An Dương Vương (đã có nhiều giả thuyết nói sự hiện hữu của An Dương vương chỉ là truyền thuyết!) . Tuy nhiên chữ "Tây Âu Lạc" - được dùng một lần duy nhất trong Sử Ký cũng như Hán Thư (chép lại từ Sử Ký) - đã gây nên

岁馀，高后崩，即罢兵。佗因此以兵威边，财物赂遗闽越 - **西瓯 - 骆**，役属焉，东西万馀里。乃乘黄屋左纁，称制，与中国侔。...

⁴⁴ (99) Sử Ký, Nam Việt Úy Đà liệt truyện- Phiên âm Hán Nôm: “Man di đại trưởng lão phu thần Đà, tiền nhật Cao hậu cách dị Nam Việt, thiết nghị Trường Sa vương sàm thần, hựu dao văn Cao hậu tận tru Đà tông tộc, quật thiêu tiên nhân chủng, dĩ cổ tự khí, phạm Trường Sa biên cảnh. Thả Nam phương ty kinh thấp, man di trung gian, kỳ đông Mân Việt thiên nhân chúng hiệu xưng vương, kỳ tây **Âu Lạc** loã quốc linh diệc xưng vương....”. Nguyên văn:

蛮夷大长老夫臣佗，前日高后隔异南越，窃疑长沙王谗臣，又遥闻高后尽诛佗宗族，掘烧先人冢，以故自弃，犯长沙边境。且南方卑湿，蛮夷中间，其东闽越千人众号称王，其西**瓯骆**裸国○亦称王。.....

⁴⁵ (100) Sử Ký, Nam Việt Úy Đà liệt truyện- Phiên âm Hán Nôm: "Thương Ngô vương Triệu Quang giả, Việt Vương đồng tính, văn Hán binh chí, cập Việt Yết Dương lệnh định tự định thuộc Hán ; Việt Quế Lâm giám Cư Ông dụ **Âu Lạc** thuộc Hán: giai đắc vi hầu. Qua thuyền - hạ lệ tướng quân binh cập Trì Nghê hầu sở phát Dạ Lang binh vị hạ, Nam Việt dĩ bình hỹ. toại vi cứu quận". Nguyên văn:

苍梧王赵光者，越王同姓，闻汉兵至，及越揭阳令定 自定属汉；越桂林监居翁 谕**瓯骆**属汉：皆得为侯。戈船 - 下厉将军兵及驰义侯所发夜郎兵未下，南越已平矣。遂为九郡。.....

⁴⁶ (101) Sử Ký, Nam Việt Úy Đà liệt truyện- Phiên âm Hán Nôm: "Thái sử công viết : Úy Đà chi vương, bản do Nhâm Ngao (Hiêu). Tao Hán sơ định, liệt vi chư hầu. Long Lư (Lư) lý thấp dịch, Đà đắc dĩ ích kiêu. **Âu Lạc** tương công, Nam Việt động dao. Hán binh lâm cảnh, Anh Tề nhập triều". Nguyên văn:

太史公曰：尉佗之王，本由任嚣。遭汉初定，列为诸侯。隆患离湿疫，佗得得益骄。**瓯骆**相攻，南越动摇

hiều tranh luận. Các học giả Trung Quốc trong bản Hán văn của "Sử Ký Tam gia chú" đã tách ra là "Tây Âu - Lạc" (102)⁴⁷, là hai nước khác nhau: Tây Âu và Lạc Việt.

Hán thư, quyển 95 - Tây Nam di lương Việt Triều Tiên truyền đệ lục thập ngũ cũng đã nói đến Tây Âu - Lạc và Âu Lạc, dù sao chép lại gần như nguyên văn từ Sử Ký (103)⁴⁸

Hán thư, quyển 17, "Công Thần biểu" đệ ngũ (104)⁴⁹ cũng đã nhắc đến tên Âu Lạc 2 lần (105)⁵⁰

⁴⁷ (102) Xin coi ghi chú (85) trong chương mục viết về nước Tây Âu

⁴⁸ (103) Hán Thư, Tây Nam di lương Việt Triều Tiên truyền - Phiên âm Hán Nôm: *Tuế dư, Cao hậu băng, tức bãi binh. Đà nhân thủ dĩ binh uy tài vật lộ di Mân Việt, Tây Âu Lạc, 役 thuộc yên. đông tây vạn dư lý. Nãi thừa hoàng ốc tả đảo, xưng "chế", dư Trung Quốc mầu. Nguyên văn:*

岁余，高后崩，即罢兵。佗因此以兵威财物赂遗闽粤、西瓯骆，役属焉。东西万余里。乃乘黄屋左纛，称制，与中国侔。....

⁴⁸ Hán Thư, Tây Nam di lương Việt Triều Tiên truyền - Phiên âm Hán Nôm: *Quế Lâm giám Cư Ông dụ cáo Âu Lạc tứ thập dư vạn khẩu hàng, vi Tương Thành hầu. Qua thuyền, hạ lại tướng quân binh cấp Trì Nghĩ hầu sở phát Dạ Lang binh vi hạ, Nam Việt dĩ bình. Nguyên văn:*

桂林监居翁谕告瓯骆四十余万口降，为湘城侯。戈船、下濑将军兵及驰义侯所发夜郎兵未下，南粤已平...

⁴⁸ Hán Thư, Tây Nam di lương Việt Triều Tiên truyền - Phiên âm Hán Nôm: " Cáp Đông Việt tướng đa quân, Hán binh chí, khí quân hàng, phong vi Vô Dương hầu. Cổ Âu Lạc tướng tả Hoàng Đồng trăm Tây Vu vương, phong vi Hạ Phu hầu." Nguyên văn:

及东粤将多军，汉兵至，弃军降，封为无锡侯。故瓯骆将左黄同斩西于王，封为下邳侯。

⁴⁹ (104) Người viết tra cứu được sử liệu này nhờ câu viết của học giả Bình Nguyên Lộc trong sách "Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam", trang 241: " Đó là một tài liệu phụ, âm thầm nằm riêng trong phụ lục của Hán Thư trong biểu Công thần"

⁵⁰ (105)**Tương Thành hầu giám Cư Ông** 湘成侯監居翁 *Dĩ Nam Việt Quế Lâm giám văn Hán Binh phá Phiên Ngun, dụ Âu Lạc dân tứ thập dư vạn hàng, hầu , bát bách tam thập hộ* 以南越桂林監聞漢兵破番禺，諭瓯駱民四十餘萬降，侯，八萬戶，封

Con của Cư Ông là : *hầu Ích Xương tự, Ngũ Phượng tứ niên, tọa vi Cửu Chân thái thú đạo sử nhân xuất mãi tê - nô tỳ, tặng bách vạn dĩ thượng, bắt đạo, tru .* 侯益昌嗣，五鳳四年，坐為九真太守盜使人出買犀、奴婢，臧百萬以上，

Hạ Phu hầu tả tướng Hoàng Đồng . Sư Cổ viết : 「phu âm phu /phù . 」 下邳侯左將黃同 . 師古曰 : 「邳音孚。」 *Dĩ có Âu Lạc tả tướng trăm Tây Vu vương công hầu, thất bách hộ .* 以故瓯駱左將斬西于王功侯，七百戶，封。

Vậy nước Âu Lạc đã được nói rõ ràng trong Sử Ký cũng như Hán Thư, tên nước này còn hiện hữu đến thời nhà Hán, dù Âu Lạc đã bị lệ thuộc vào Nam Việt.

Tuy nhiên Sử Ký cũng như Hán Thư nói về nước Âu Lạc, nhưng lại không viết về vua của nước này, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư viết đây là An Dương Vương và đặt riêng làm một "kỷ" cho triều đại này, cũng như nói đến chiến tranh hai lần giữa An Dương Vương và Triệu Đà và cuối cùng Triệu Đà đã chiếm Âu Lạc như ĐVSKTT đã viết trong:

"Kỷ nhà Thục, An Dương Vương" : "Quý Ty, năm thứ 50 [208 TCN] (Tần Nhị Thế Hồ Hợi, năm thứ 2). Ngao chết, Đà liền gửi hịch đến các cửa ải Hoành Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê, nói: "Quân giặc sắp đến, phải gấp chặt đường, họp binh tự giữ". Hịch đến nơi, các châu quận đều hưởng ứng. Bấy giờ Đà giết hết các trưởng lại do nhà Tần đặt, đem thân thích phe cánh thay làm thủ lệnh. Đà đem quân đến đánh vua, vua không biết lấy nõ đã mất, ngồi đánh cờ cười mà bảo: "Đà không sợ nõ thần của ta sao?". Quân của Đà tiến sát đến nơi, vua giương nõ thì lấy đã gãy rồi. Vua thua chạy, đến Mỹ Châu ngồi trên ngựa, cùng chạy .

Cổ sử Trung Quốc viết khác, Sử Ký viết: *"Được hơn một năm, Cao Hậu mất, liền bãi binh. Đà nhân đó, dùng uy lực uy hiếp nơi biên giới, đem đồ đạc của cải đốt lột các nước Mân Việt, Tây Âu- Lạc để bắt họ lệ thuộc theo mình". Câu này nói là Triệu Đà chỉ dùng ngoại giao để có thêm "chư hầu" chứ chưa xảy ra chiến tranh giữa Nam Việt và các nước lân cận.*

Nhà Tần bị diệt năm 207 TCN (thời Tần Nhị Thế), *"Khi nhà Tần đã bị tiêu diệt, Đà lập tức đánh chiếm lấy cả Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vũ Vương"* (Sử Ký). Theo như sử liệu này thì Triệu Đà đã chiếm đất của quân Tần đang chiếm đóng là hai quận Quế Lâm và Tượng quận. Tuy nhiên, theo như trình bày của người viết ở trên, thì nước Tây Âu chưa bị quân Tần chiếm đóng hoàn toàn (Quân Tần đã không chiếm đóng được vùng hợp lưu của Tây giang trở về phía nam tới biển Nam Hải). Sử liệu không nói đến việc Triệu Đà đánh chiếm phần còn lại của nước Tây Âu. Vậy nếu theo cách tách chữ "Tây Âu - Lạc" của "Sử Ký tam gia chú" thì Tây Âu và Lạc Việt không có chiến tranh với Nam Việt. Tây Âu và Lạc Việt chỉ "lệ thuộc" vào Nam Việt bằng đường lối "ngoại giao" và **Âu Lạc vẫn còn tên cho đến thời tiền Hán**.

Nhưng Sử Ký cũng viết: *" Thái sử công nói: ... Đà càng được thể kiêu căng. **Âu Lạc** đánh nhau làm rung động nước Nam Việt"*. Câu *"Âu Lạc đánh nhau"* thì Âu Lạc đã có chiến tranh, nhưng với nước nào? Nếu chữ Tây Âu Lạc được tách làm hai để chỉ nước Tây Âu và Lạc Việt theo "Sử Ký tam gia chú", thì có thể Âu Lạc có chiến tranh với Tây Âu? Tuy nhiên không thấy nói về chiến tranh Tây Âu- Âu Lạc trong cổ sử Trung Quốc trong thời điểm này - 208 TCN, 207 TCN. Hơn nữa chiến tranh Âu Lạc -Tây Âu tại sao lại có thể làm *"rung động nước Nam Việt"*! ngoại trừ Âu Lạc và Nam Việt có chiến tranh.

Hai đoạn sử liệu trong Nam Việt liệt truyện của Tư Mã Thiên đã có sự mâu thuẫn:

- Nam Việt **không có chiến tranh với Tây Âu Lạc**: *" Đà nhân đó, dùng uy lực uy hiếp nơi biên giới, đem đồ đạc của cải đốt lột các nước Mân Việt, Tây Âu- Lạc để bắt họ lệ thuộc theo mình"*.

- Nam Việt có chiến tranh với Âu Lạc: "**Âu Lạc** đánh nhau làm rung động nước Nam Việt".

Để giải thích sự mâu thuẫn này người viết xin có phỏng đoán như sau: Trước đó thì Triệu Đà dứt lốt, sau là hãm đoạ (~209, 208 TCN), nhưng Âu Lạc có lẽ đã không nhận hay sợ hãi uy lực của Nam Việt, vì biết rằng dù đã chiếm Quế Lâm và Tượng Quận, Nam Việt vẫn không đủ người và quân để uy hiếp Âu Lạc (106)⁵¹. Sau khi thấy đã đủ mạnh vì có thêm hai nước Tây Âu và Mân Việt, Triệu Đà mang quân sang tấn công Âu Lạc (208 TCN), đã chiến thắng và bắt nước Âu Lạc "lệ thuộc".

Dù phỏng đoán như thế, nhưng người viết vẫn cảm thấy rất gượng ép, nên muốn tìm hiểu và xin thêm ý kiến về hai sử liệu này. Hai câu này đã gây ra nhiều tranh luận cũng như nhiều giả thuyết.

Nhận xét:

- Sách Hoài Nam Tử của Lưu An viết rõ là **có nước Tây Âu**, vua là Dịch Hu Tổng.

- Sử Ký của Tư Mã Thiên không hề nhắc tới nước Tây Âu mà chỉ viết chữ "**Tây Âu Lạc**" một lần.

Khó có thể nói là Tư Mã Thiên đã không biết về nước Tây Âu trong khi ông đã viết trong Sử Ký, quyển 112 "*Bình Tân hầu Chủ Phụ liệt truyện đệ ngũ thập nhị*": "...*Mất nhiều ngày chờ đợi, lương thực bị hết, rồi bị người (Bách) Việt phản công, quân Tần thua trận....*". Trong khi đó lại nhắc đến tên Âu Lạc 3 lần. Chữ "Tây Âu Lạc" có thể chữ "Lạc" đã bị chép thêm và đi lạc vào đây.

Nếu chữ "**Tây Âu Lạc**" đổi thành "**Tây Âu**" thì sự việc sẽ bớt phức tạp, vì "nếu" sử liệu này đổi thành: "*Đà nhân đó, dùng uy lực uy hiếp nơi biên giới, đem đồ đặc của cải dứt lốt các nước **Mân Việt, Tây Âu** để bắt họ lệ thuộc theo mình*", thì:

- Nước Tây Âu sẽ được nhắc đến trong Sử Ký ít nhất là một lần.

- Chỉ có hai nước Mân Việt và Tây Âu bị Triệu Đà mua chuộc. Âu Lạc đã không bị mua chuộc

- Âu Lạc có chiến tranh với Nam Việt vì câu "**Âu Lạc** đánh nhau làm rung động nước Nam Việt".

Từ chữ "nếu" ở trên, sử liệu trong Sử Ký sẽ đỡ bị mâu thuẫn.

Mặc dù như vậy, vẫn có vấn đề mâu thuẫn giữa Sử Ký của Tư Mã Thiên cũng như Hán Thư của Ban Cố với ĐVSKTT của Việt Nam, vì **nếu Âu Lạc đã bị Nam Việt chiếm, bắt "lệ thuộc", thì**

⁵¹ (106) Nước cổ Việt (Âu Lạc) gồm ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam tổng cộng là 143643 nhà và 981,835 người. Vùng Quảng Tây và Quảng Đông gồm 4 quận Nam Hải, Hợp Phố, Thương Ngô và Uất Lâm là 71,805 nhà và 390,555 người. Tỷ lệ dân số cổ Việt nhiều hơn 2.5 lần so với dân số hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây

tại sao tên Âu Lạc vẫn còn tồn tại, được Sử Ký và Hán Thư nhắc đến lúc cuối thời nhà Triệu và đầu đời tây Hán?

Việc này người viết xin phỏng đoán như sau:

Khi mới chiếm được quận Nam Hải, Triệu Đà chỉ có trong tay khoảng 100 ngàn quân Tần cùng 94 ngàn dân ở đây. Khi Tần Thủy Hoàng chết (210 TCN), Triệu Đà chiếm Quế Lâm và Tượng quận (tương đương với hai quận Uất Lâm và Thương Ngô) mới có thêm quân ở đây và dân (khoảng 300 -500 ngàn người) ở vùng này.

Khi thấy đủ quân và dân, Triệu Đà mới tấn công. Chiếm được nhưng không thể đủ người cai trị, vì thế Triệu Đà để Âu Lạc giữ nguyên thể chế Lạc hầu Lạc tướng, làm các “lãnh chúa” tại từng lãnh địa cai trị và chỉ để người canh chừng, đây là những “gián điệp” của Triệu Đà. Triệu Đà không muốn có chiến tranh với các “lãnh chúa” này, nên chỉ dọa hay chiêu dụ mà thôi. Cuộc chiến giữa quân Tần dưới quyền Đồ Thư và Tây Âu đã là một bài học cho Triệu Vũ đế. Hơn nữa vùng đất phía bắc Ngũ Lĩnh là mối lo lớn của Triệu Đà. Tới năm 198 TCN, các Lạc Hầu Lạc tướng này càng ngày càng mạnh, đã thành một nỗi lo sợ cho Triệu Đà, nhưng ông đã khôn ngoan dùng ngoại giao để đạt mục đích, cử sứ thần để canh chừng các Lạc hầu Lạc tướng này.

ĐVSKTT: “*Quý Mão, năm thứ 10 [198 TCN], (Hán Cao Đế năm thứ 9). Vua sai hai sứ coi giữ hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân*”.

Nhà Triệu duy trì Chính sách này tới khi Nam Hải bị nhà Hán chiếm. Việc Tây Vu vương bị tả tướng Hoàng Đồng giết đã nói lên chính sách này. Hán Thư: “...*Cổ Âu Lạc tướng tả Hoàng Đồng trảm Tây Vu vương, phong vi Hạ Phu hầu*”.

Mặc dù có những điều mâu thuẫn, nhưng sử liệu đã nói rõ về sự tồn tại của nước Âu Lạc sau thời Tần (207 TCN), và **quân Tần không chiếm đóng Cổ Việt (nước Âu Lạc)**.

Vua nước Âu Lạc là An Dương Vương?

Có nước Âu Lạc thì Âu Lạc phải có vua, hay một người lãnh đạo. Tuy nhiên không thấy Sử Ký và Hán Thư là những bộ sách cổ nhất của Trung Quốc viết về Âu Lạc nói đến vị vua này.

Lĩnh Nam Chí Quái đã nhiều lần nói đến An Dương Vương trong truyện “Lý Ông Trọng”, “Thần Kim Quy” v. v... ĐVSKTT có nguyên một kỷ là “**Kỷ Nhà Thục 257 TCN - 207 TCN**” để nói vị vua này. Tuy nhiên nhiều giả thuyết nói đây chỉ là truyền thuyết và không có thật. Vì những tài liệu này được viết từ thế kỷ 13 hay sau đó!

Dù Sử Ký hay Hán Thư không nói về An Dương Vương, nhưng sách Thủy Kinh chú của Lịch Đạo Nguyên (năm 466 hoặc 472-527) đã ghi lại các câu viết (107)⁵² của “Giao Châu Ngoại Vực ký” và “Tân Thái Khang chí” liên quan đến tên An Dương Vương (9 lần)”

⁵² (107)Thủy Kinh Chú của Lịch Đạo Nguyên, quyển tam thập nhất, phiên âm Hán Nôm: [*Giao Châu Ngoại Vực ký*] viết : *Giao Chỉ tích vị hữu quận huyện chi thời, thổ địa hữu lạc điền. Kỳ điền tông triều thủy thượng hạ, dân khẩn thực kỳ điền, nhân danh vi Lạc dân. Thiết Lạc vương - Lạc hầu, chủ chư quận huyện. Huyện đa Lạc tướng, Lạc tướng đồng ấn thanh thụ. Hậu Thục vương tử tướng binh tam vạn, lai thảo Lạc vương - Lạc hầu, phục chư Lạc*

Sách **Thủy Kinh chú** (bản dịch trong "Thủy Kinh Chú Sớ" của ông Nguyễn Bá Mão, quyển 37, trang 427):

"Giao Châu ngoại vực ký" nói: đất Giao Chỉ ngày xưa, lúc chưa có quận huyện, ruộng đất có ruộng lạc điền, theo nước thủy triều lên xuống, dân trồng trọt ở các đám ruộng ấy để hưởng hoa lợi, vì vậy dân ấy có tên là Lạc dân, đặt ra Lạc vương, Lạc hầu để trông coi các quận huyện. Ở huyện phần nhiều là chức Lạc tướng. Lạc tướng có ấn đồng thao xanh. Sau con vua Thục đem ba vạn quân đến đánh các Lạc vương và Lạc hầu, chinh phục được các Lạc tướng. Con vua Thục vì vậy xưng là An Dương Vương. Sau Nam Việt Vương là úy Đà đem quân đánh An Dương Vương. An Dương Vương có thần nhân tên là Cao Thông xuống giúp, làm cho An Dương Vương một chiếc nỏ thần, bắn một phát giết chết 300 người. Nam Việt Vương biết không thể đánh được, lui quân về đóng ở huyện Vũ Ninh. Xét "Tân Thái Khang ký", huyện này thuộc quận Giao Chỉ. Nam Việt Vương sai Thái tử tên là Thủy xin hàng phục An Dương Vương, xưng thần thờ vua. An Dương Vương không biết Cao Thông là thần nhân, đãi ngộ ông không phải đạo, Thông bèn bỏ đi, nói với vua rằng: "Giữ được nỏ này thì làm vua thiên hạ, không giữ được nỏ này thì làm mất thiên hạ". Sau khi Thông đi rồi, An Dương Vương có người con gái tên là Mi Châu. Châu thấy Thủy đoan chính, Châu cùng Thủy qua lại với nhau. Thủy hỏi Châu, bảo Châu lấy nỏ của bố cho xem. Thủy thấy nỏ, bèn lấy trộm, đem cửa đứt nỏ, rồi trốn về báo với Nam Việt Vương. Khi Nam Việt Vương đem quân đánh, An Dương Vương bắn nỏ, nỏ gãy, nên thua. An Dương Vương xuống thuyền chạy ra biển. Nay ở sau huyện Bình Đạo, thấy còn có dấu cũ của thành cung của vua. Theo "Tân Thái Khang địa chí", huyện thuộc quận Giao Chỉ. Nam Việt bèn chinh phục các Lạc tướng."

Cũng cùng trang (trang 427) trong sách "Thủy Kinh Chú sớ", học giả Dương Thủ Kính đưa ra những dẫn chứng: "*Thủ Kính chú: theo "Quảng Châu ký" An Dương Vương đóng đô ở huyện Phong Khê, cho nên họ Lịch (Nv: Lịch Đạo Nguyên) dẫn "Giao Châu ngoại vực ký" ở chỗ này*".

tướng, Thục vương tử nhân xưng vi An Dương Vương. Hậu Nam Việt vương úy Đà cử chúng công An Dương Vương. An Dương Vương hữu thần nhân, danh Cao Thông, hạ phụ tá, vi An Dương Vương trị thần nỏ nhất trương, nhất phát sát tam bách nhân. Nam việt vương tri bất khả chiến, khước quân trụ Vũ Ninh huyện. Án [Tân Thái Khang ký]: huyện thuộc Giao Chỉ. Việt khiển thái tử danh Thủy, hàng phục An Dương Vương, xưng thần sự chi. An Dương Vương bất tri thông thần nhân, ngộ chi vô đạo, Thông tiện khứ, ngữ vương viết : năng trì thủ nỏ vương thiên hạ, bất năng trì thủ nỏ giả vong thiên hạ. Thông khứ, An Dương Vương hữu nữ danh viết Mi Châu, kiến Thủy đoan chính, Châu dữ Thủy giao thông. Thủy vấn Châu, lệnh thủ phụ nỏ thị chi. Thủy kiến nỏ, tiện đạo dĩ cử triệt nỏ cật, tiện đào quy báo Việt vương. Nam Việt tiến binh công chi, An Dương Vương phát nỏ, nỏ chiết, toại bại. An Dương Vương hạ thuyền, kinh xuất Vu hải. Kim Bình Đạo huyện hậu vương cung thành kiến hữu cổ xú. [Tân Thái Khang địa ký], huyện thuộc Giao Chỉ. Việt toại phục chư Lạc tướng.

Nguyên bản:

。《交州外域记》曰：交趾昔未有郡县之时，土地有雒田。其田从潮水上下，民垦食其田，因名为雒民。设雒王、雒侯，主诸郡县。县多为雒将，雒将铜印青绶。后蜀王子将兵三万，来讨雒王、雒侯，服诸雒将，蜀王子因称为安阳王。后南越王尉佗举众攻安阳王。安阳王有神人，名皋通，下辅佐，为安阳王治神弩一张，一发杀三百人。南越王知不可战，卻军住武宁县。按《晋太康记》县属交趾。越遣太子名始，降服安阳王，称臣事之。安阳王不知通神人，遇之无道，通便去，语王曰：能持此弩王天下，不能持此弩者亡天下。通去，安阳王有女名曰眉珠，见始端正，珠与始交通。始问珠，令取父弩视之。始见弩，便盗以锯截弩讫，便逃归报越王。南越进兵攻之，安阳王发弩，弩折，遂败。安阳王下船，遂出于海。今平道县后王宫城见有故处。《晋太康地记》县属交趾。越遂服诸雒将。

。

Trang 428: "Thủ Kinh chú: "Thư sao" 125 dẫn "Giao Châu ký" của Lưu Hân Kỳ nói: thành của An Dương Vương ở phía đông bắc huyện Bình Đạo. "Nguyên Hòa chí" nói thành cũ của An Dương Vương ở phía đông bắc huyện Tống Bình 31 dặm. Có lẽ xưa đây là đất của Giao Châu. "Hoàn Vũ ký" dẫn "Nam Việt chí" nói: **An Dương Vương đóng đô ở Giao Chỉ**, thành của nước này ở phía đông huyện Bình Đạo ngày nay. Thành này có 9 lớp, chu vi 9 dặm".

Cũng cùng trang 428: "Thủ Kinh chú: "Ngư lãm" 348 dẫn "Nhật Nam truyện", "Hoàn vũ ký" nói về quận Giao Chỉ dẫn "Nam Việt chí" trình bày việc An Dương Vương, so với "Giao Châu ngoại vực ký", có chỗ tỉ mỉ, có chỗ sơ lược, có chỗ khác nhau, có chỗ giống nhau".

Qua những cổ thư được học giả Dương Thủ Kính tham khảo, chúng ta thấy có một điểm chung là An Dương Vương đóng đô ở Giao Chỉ (thuộc nước Âu Lạc). Vậy **vua của Âu Lạc có thật trong lịch sử chứ không phải là truyền thuyết**.

Ngoài ra, sách "The Birth of Vietnam", trang 316, Appendix F, "The Legend of the Turtle Claw" của tác giả Keith Taylor cũng đã nêu ra tên 4 tài liệu nói về An Dương Vương: "Nhật Nam truyện", "Tân Thái Khang địa chí", "Tân Lưu Hân Kỳ Giao Châu ký" và "Giao Châu Ngoại Vực ký" như học giả Dương Thủ Kính đã nói đến.

Vậy thì sự thật về An Dương Vương như thế nào? Sách "Thủy Kinh chú" của Lịch Đạo Nguyên viết khoảng năm 500, ông tham khảo từ "Thủy Kinh" được viết từ thời Tam Quốc (khoảng đầu thế kỷ thứ 3), cũng như "Tân Thái Khang chí" được viết khoảng một thế kỷ sau. Người viết phỏng đoán các sách này được viết khoảng thế kỷ thứ 4 hay trước đó. Căn cứ vào thời điểm, các tài liệu cổ của Trung Quốc đã nói về An Dương Vương khoảng 1000 năm trước, so với sử liệu của Việt nam.

An Dương Vương là ai? Từ đâu tới? Người viết xin dời lại vấn đề này trong lần tìm hiểu khác, vì đây là một đề tài rất phức tạp. Trong phạm vi bài viết, chỉ xin trích dẫn những sử liệu cổ nói đến tên ông để có thể dẫn chứng là: **Nước Âu Lạc hay cổ Việt đã không bị quân Tần chiếm đóng. Vua nước Âu Lạc là An Dương Vương. Nước Âu Lạc đã có chiến tranh với Nam Việt, thất trận và bị "lệ thuộc" vào Nam Việt như một nước chư hầu.**

Nhìn lại về vấn đề Giao Chỉ và Tượng quân



Bản đồ số 12- Các quận thuộc Lĩnh Nam thời Tán / Hán

Ghi chú: màu xanh(lá cây) là các quận thời Tán (214 TCN), màu nâu là các quận thời Tiên Hán. Dã Lang và Tây Âu trong hình bầu dục (ellipse) chưa bị quân Tán xâm chiếm hoàn toàn, vẫn còn hiện hữu đến thời Tiên Hán.

Như đã trình bày trong phần đầu của bài viết, vấn đề Giao Chỉ và Tượng quận được đặt ra vì câu viết trong Hán Thư của Ban Cố: "*Hán Thư, quyển 28 "Địa lý chí đệ bát hạ" viết về quận Nhật Nam như sau : "**Quận Nhật Nam, là Tượng Quận cũ thời Tán**..... Thuộc Giao Châu". Từ câu viết này, các sử gia đời sau, đặc biệt là các sử gia và học giả của Trung Quốc, cho là quận Nhật Nam ở phía cực nam của Cổ Việt (nước Âu Lạc thời An Dương Vương) thuộc về Tượng quận, nếu thế thì hai quận phía bắc của quận này là Giao Chỉ và Cửu Chân cũng thuộc Tượng quận!?*

Đây là một sử liệu mâu thuẫn trong Hán Thư, vì câu viết này ngược lại với các sử liệu khác cùng trong một bộ sách. Hán Thư, quyển 7 "*Thiệu Đế kỷ đệ thất" viết về việc **bãi bỏ Tượng quận và chia quận này làm hai, sát nhập vào hai quận Uất Lâm và Tường Kha** : "Mùa thu, bãi bỏ Tượng Quận, chia và sát nhập vào Uất Lâm, Tường Kha" . Thời Tiên Hán, Uất Lâm nằm phía bắc Quảng Tây (ngày nay) và Tường Kha ở phía nam Quý Châu (ngày nay). Hơn nữa, quyển 95 "*Tây Nam di lương Việt Triều Tiên truyện" nói về nước "Tây Âu Lạc", nước này vẫn còn cho đến thời Triệu Đà. Dù là "Tây Âu Lạc" hay "Tây Âu, Lạc" thì chữ Lạc là dân Lạc Việt. Ngoài ra, quyển sử trước Hán Thư là Sử ký cũng nhắc đến "Tây Âu Lạc" hay "Tây Âu, Lạc", mà Hán Thư đã chép lại. Điều này đã chứng tỏ quân Tán chưa chiếm đóng Lạc Việt. Hơn nữa, cùng trong**

quyển "*Địa lý chí*", tại sao chỉ nói quận Nhật Nam là "*cổ Tần Tượng quận, Vũ đế Nguyên Đình lục niên khai*".? Còn hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân lại không nói như thế mà chỉ nói "*Vũ đế Nguyên Đình lục niên khai*" không có hàng chữ "*cổ Tần Tượng quận*" ! Người viết nghĩ là phải vì một lý do nào khác, mới đưa đến những sử liệu ngược với nhau trong Hán thư.

Sau khi tìm hiểu về qua về tiểu sử Ban Cố⁵³, được biết ông viết Hán thư đến Thiên văn chí thì qua đời, người em gái là Ban Chiêu⁵⁴ nối tiếp sự nghiệp để hoàn thành bộ Hán Thư. Cô em gái thua ông anh 17 tuổi (Ban Cố sinh năm 32, Ban Chiêu sinh năm 49), vì thế người viết nghĩ là khó có sự liên tục từ tư tưởng đến tài liệu được chuyển giao từ Ban Cố (bị cầm tù từ năm 89, lúc 58 tuổi) đến Ban Chiêu. Địa Lý chí có thể được viết bởi tác giả khác là Ban Chiêu và Mã Tục, vì các sử gia cổ thời thường viết theo cách "*biên niên*". Qua nhận xét này, Thiên Văn chí là quyển 26 có thể được viết trước Địa lý chí là quyển 28 theo như thứ tự của Hán Thư "*Chí*":

Hán Thư quyển nhị thập lục Thiên Văn chí đệ lục
Hán Thư quyển nhị thập thất Ngũ Hành chí đệ thất
Hán Thư quyển nhị thập bát Địa Lý chí đệ bát

Vậy có thể *Địa Lý chí* do Ban Chiêu và Mã Tục viết nên đã gây nên sự mâu thuẫn này .

⁵³ Từ Điển Văn Học Cổ Điển Trung Quốc, Nguyễn Tôn Nhan sưu tập tư liệu và biên dịch, nhà xuất bản Văn Nghệ, trang 24: **Ban Cố:** (Sinh năm 32- mất năm 92). Tên tự Mạnh Kiên. Người đất Phù Phong, An Lãng (nay thuộc đông bắc Hàm Dương, Thiểm Tây). Văn học gia, sử học gia trứ danh đời Đông Hán. Thuở nhỏ đã biết làm văn chương thi phú. Lớn lên đọc hết sách vở. Cha ông là Ban Bưu vì muốn tiếp tục công trình như Sử Ký nên soạn Hậu truyện. Ban Cố cho rằng cha viết chưa tường tận muốn viết sửa lại, bị người khác vu cáo là lên sửa quốc sử, bị bắt hạ ngục. Em là Ban Siêu dâng thơ biện bạch cho anh. Minh đế (nv: Lưu Trang 58-75) cho gọi ông về kinh sư làm ở bộ Hiệu thư, chức Lan Đài lệnh sử. Ông cùng nhóm Trần Tông, Doãn Mẫn, Mạnh Dị cùng viết bộ *Thế Tổ bản kỷ*, được thăng lên chức Lang, Điện hiệu bí thư, ông lại chép tiểu sử các công thần gồm 28 thiên. Ông phụng chiếu tiếp tục biên soạn bộ Hán thư. Từ đây ông lấy công việc trứ thuật làm sự nghiệp, trải qua hơn 20 năm, vào niên hiệu Kiến Sơ thứ 7 (năm 82), ông hoàn thành bộ Hán thư. Khi ông làm Huyền Vũ Tư mã, niên hiệu Kiến Sơ thứ 4 (năm 79), ông tham gia thảo luận về ngũ kinh với các nhà Nho ở Bạch Hổ quán rồi biên soạn thành bộ Bạch Hổ thông đức luận. Đầu niên hiệu Vĩnh Nguyên thời Hoà đế (năm 89), ông đi theo đại tướng quân Đâu Hiên xuất chinh đi đánh Hung Nô, thời gian này ông soạn bài *Yên nhiên sơn minh* ghi uy đức triều Hán. Sau này Đâu Hiên bại binh, ông bị liên lụy bãi quan, chết ở trong ngục vào tuổi 61. Tác phẩm Hán thư của ông là bộ sử một triều đại viết theo thể kỷ truyện đầu tiên ở Trung Quốc và là tác phẩm sử truyện văn học trứ danh. Ông còn có bài phú *Lưỡng đô phú* cũng nổi tiếng viết bằng thể đối thoại phản ánh sự phồn hoa giàu có ở đầu đời Hán. Các bài *Đáp tân hí*, *U thông phú* của ông đều tự thuật chí hướng của mình với văn từ phong phú, nhưng ý phần nhiều mô phỏng người khác, rất ít ý mới. Tiểu sử của ông được chép phụ vào tiểu sử của Ban Bưu trong sách Hậu Hán Thư.

⁵⁴ Từ Điển Văn Học Cổ Điển Trung Quốc, Nguyễn Tôn Nhan sưu tập tư liệu và biên dịch, nhà xuất bản Văn Nghệ, trang 24: **Ban Chiêu:** (Sinh khoảng năm 49 - Mất khoảng năm 120) còn có tên khác là Cơ, tên tự Huê Lâm. Người đất Phù Phong, An Lãng (nay thuộc đông bắc Hàm Dương, Thiểm Tây). Nữ văn học gia, sử học gia đời Đông Hán, con gái của Ban Bưu, vợ của Tào Thế Thúc, học rộng tài cao. Anh là **Ban Cố soạn Hán thư chưa xong phần Thiên văn chí đã chết, bà vâng chiếu cùng với Mã Tục viết cho xong**. Khi *Hán thư* mới ra đời, nhiều người đọc không hiểu, người cùng quận là Mã Dung được bà truyền dạy cách đọc. Hoà đế nhiều lần gọi bà vào cung, dạy hoàng hậu và các phi tần. Mỗi lần có vật lạ dâng lên, đế đều lệnh cho bà viết phú ca tụng. Bà chết vào năm hơn 70 tuổi. Tác phẩm của bà có nhiều thể loại nhưng đã mất gần hết. Tiểu sử của bà có chép trong sách Hậu Hán thư.

9- Kết luận

Qua những điều đã trình bày đặt căn bản trên sử liệu, người viết xin tóm tắt về việc quân Tần xâm chiếm Lĩnh Nam như sau:

Năm 221 TCN, Tần vương Doanh Chính hoàn tất việc gồm sáu nước là Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề, kết thúc thời Chiến Quốc và dựng nên một đế quốc thống nhất. Để tự vinh danh, Tần vương xưng là (Tần) Thủy Hoàng Đế. Dù đã gồm sáu nước, Thủy Hoàng vẫn không ngừng tham vọng mở rộng thêm lãnh thổ cho đế quốc của mình. Phía bắc thì đánh Hung Nô, phía nam thì xâm lăng Bách Việt.

Để đánh chiếm Bách Việt, nhà Tần huy động một đoàn quân khổng lồ là 500 ngàn người, gồm có các lính của nhà Tần, các kẻ bị ép buộc tòng quân và lao dịch (gồm những người trốn tránh, những kẻ đi ở rẫy, những người đi buôn) vào xâm chiếm đất Bách Việt. Đoàn quân này chia làm năm đạo:

Một đạo quân đến đóng ở Dư Can trên Vũ Di sơn, sau đó vượt rặng núi này để tiến chiếm Mân Việt và Đông Âu. Đạo quân này đã không gặp trở ngại nào đáng kể, nên đã chiếm đóng vùng này, đặt là quận Mân Trung - phía nam tỉnh Chiết Giang và tỉnh Phúc Kiến ngày nay.

Một đạo quân khác do Nhâm Ngao lãnh đạo đã vượt Ngũ Lĩnh tiến thẳng đến Phiên Ngung chiếm đóng vùng này và đặt là quận Nam Hải - tỉnh Quảng Đông ngày nay.

Ba đạo quân còn lại do quan úy Đồ Thư làm Lâu thuyền tướng quân lãnh đạo, đến đồn trú tại các địa điểm trên Ngũ Lĩnh như Đàm Thành, Cửu Nghi và Nam Dã. Sau đó vượt Ngũ Lĩnh đánh chiếm vùng đất kế bên phía nam Ngũ Lĩnh, đặt vùng này là quận Quế Lâm - phía bắc tỉnh Quảng Tây ngày nay.

Để có thể có đủ lương thực và tiếp liệu cho một cuộc viễn chinh lâu dài, các đạo quân đóng tại quận mới chiếm là Quế Lâm đã đào kinh Linh Cừ nối thượng nguồn của Tương giang với Ly giang, dưới sự điều hành và giám sát của Sử Lộc. Nhờ có thủy đạo này, tiếp vận có thể chuyển từ phía bắc đến phía nam của Ngũ Lĩnh. Khi có lương thực tiếp tế, các đạo quân của Đồ Thư lãnh tiến đánh dân Bách Việt ở phía nam là nước Tây Âu, bắt dân bản địa làm tù binh, sát hại vua nước này là Dịch Hu Tống. Dù tạm được lợi thế ban đầu, nhưng sau đó quân Tần đã gặp sự chống trả mãnh liệt của dân Tây Âu. Không đủ nhân lực để chống cự trong những trận chiến lớn, dân bản địa đã dùng du kích chiến, chiến cuộc trở nên lâu dài, Đồ Thư bị giết, nhân mạng bị tổn thất nặng nề, cả trăm ngàn người bị tử thương cũng như bị chết vì bệnh tật. Quân Tần đã không tiến xa hơn được về phía nam, nên đã theo những thủy đạo thiên nhiên, tiến về phía tây, xâm chiếm vùng này, đặt vùng này là Tượng quận - phía nam tỉnh Quý Châu và phía tây bắc tỉnh Quảng tây ngày nay.

Từ những dẫn chứng bằng sử liệu cũng như tìm hiểu về chỗ đóng quân và đường hành quân của quân Tần, người viết đi đến kết luận là quân Tần chưa hề đánh vào Giao Chỉ, chứ chưa nói đến phần đất xa hơn về phía nam là Cửu Chân và Nhật Nam. Nước Âu Lạc hay cổ Việt thời vua An Dương không hề bị quân Tần xâm chiếm, **Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam không phải là Tượng quận thời Tần.**

Ai biết rõ lịch sử Trung Quốc hơn các sử gia và các học giả Trung Quốc? Không phải là họ không thấy điều này! Họ biết, và biết rất rõ, tuy nhiên họ vẫn "nói lấy được" để "vơ vào phần mình" là nước Âu Lạc đã thuộc về Trung Quốc từ thời Tần. Các sử gia và học giả Trung Quốc thừa biết là lịch sử của nước Việt đã tham khảo từ cổ sử của Trung Quốc, cộng thêm các truyền thuyết trong nhân gian để viết nên bộ sử ngày nay về thời khuyết sử của tộc Việt.

Nhà Tần gồm sáu nước, dựng nên một quốc gia thống nhất. Các sử gia và học giả Trung Quốc muốn Cổ Việt (Âu Lạc) cũng là một phần đất của hoàng đế nhà Tần, nhưng quân Tần đã không làm được điều này. Lạc Việt vẫn còn đó. Vùng đất phía nam của dân Lạc Việt là cái gai trong mắt của Trung Quốc, không xâm chiếm được bằng quân lực thì "vơ lấy" bằng văn hoá, lợi dụng mâu thuẫn của sử liệu để ngụy tạo. Bao nhiêu tộc Việt thuộc Bách Việt đã bị Hán hoá? Còn lại duy nhất là Lạc Việt! **Hán hoá vùng đất này. Đây là một âm mưu truyền kiếp của Hoa tộc!**

Trước khi ngừng, người viết xin trích dẫn một câu chuyện⁵⁵ khá lý thú về tộc Lạc Việt để người Việt có thể tự hào về nguồn gốc:

"...xin được kể lại câu chuyện khá lý thú do cụ Hoàng Văn Chí ghi lại : “Hồi Cụ Phan Bội Châu mới sang Tàu, một nhân sĩ Tàu là Dương Giác Đôn, đưa Cụ đến yết kiến một viên đại thần của triều đình Mãn Thanh, tên là Trang Uẩn Khoan. Vị đại thần tiếp đãi rất tử tế và biếu Cụ một món tiền trợ cấp. Sau khi Cụ ra về, Trang Uẩn Khoan bảo Dương Giác Đôn : “Người An Nam có bản tính nô lệ (nô lệ căn tính), dù có vài chí sĩ như ông này (chỉ Cụ Phan) cũng chẳng làm nên trò trống gì”.

Sau cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) và sau khi nhường chức Tổng thống cho Viên Thế Khải, ông Tôn Văn (Tôn Dật Tiên) sang viếng thăm Nhật Bản, với tư cách là đảng trưởng Quốc Dân Đảng Trung Hoa, và được ông Khuyển Dưỡng Nghị (Inukai Tsuyoshi) đảng trưởng Quốc Dân Đảng Nhật, thết tiệc khoản đãi. Giữa bữa tiệc, lúc khi ông Tôn Văn bắt ý, ông Khuyển Dưỡng Nghị đột nhiên hỏi : “Tôi được biết tiên sinh đã có dịp qua Hà Nội, xin tiên sinh cho biết tôn ý về dân tộc An Nam ?” Bị hỏi một cách bất thành lời, ông Tôn Văn chỉ kịp nhớ lại câu của Trang Uẩn Khoan, vội vàng đáp : “Người An Nam vốn nô lệ căn tính. Ngày xưa, họ bị người Hán chúng tôi đô hộ, ngày nay họ lại bị người Pháp cai trị. Dân tộc ấy quả không có tương lai”. Được dịp, Khuyển Dưỡng Nghị liền nói : “Về điểm này tôi xin phép không đồng ý với tiên sinh. Ngày nay họ thua người Pháp, vì họ không có khí giới tối tân, nhưng cứ xét lịch sử, thì trong số Bách Việt, chỉ có họ là thoát khỏi, không bị Hán hóa. Tôi tin rằng một dân tộc biết tự bảo vệ một cách bền bỉ như vậy thì thế nào cũng sẽ lấy lại được quyền tự chủ”. Tôn Văn đỏ mặt, vì hiểu ý Khuyển Dưỡng Nghị muốn châm chọc, cho rằng Tôn Văn là người Quảng Đông, tổ tiên là người A Khách, một sắc tộc trong Bách Việt, nhưng kém xa dân tộc Việt Nam, vì đã bị Hán hóa hoàn toàn.

Sau bữa tiệc, Khuyển Dưỡng Nghị gọi giầy nói mời mấy học sinh người Việt do ông bảo trợ, để kể cho họ câu chuyện, tỏ ý hờn hờ đã thắng Tôn Văn trong cuộc đối thoại. Trong số mấy người được Khuyển Dưỡng Nghị mời đến và thuật lại câu chuyện có cụ Sở Cuồng Lê Dư, hồi ấy theo Cụ Phan sang Nhật du học. Chính cụ Sở Cuồng kể câu chuyện đó cho chúng tôi nghe. (Hoàng Văn Chí, Từ Thực Dân Đến Cộng Sản)"

⁵⁵ Trích từ <http://taphopdongtam.org/BC/phanI.htm>

Để kết thúc, người viết cũng xin trích và lược dịch ⁵⁶ một đoạn văn trong phần giới thiệu, trang XXII trong sách "*The Birth of Vietnam*" của Keith Weller Taylor viết về lịch sử Việt Nam từ khởi thủy, qua thời Bắc thuộc đến khi Việt Nam giành được độc lập ⁵⁷.

Giới thiệu

"

Người Việt thế kỷ thứ mười đã khác xa tổ tiên của họ từ 12 thế kỷ trước. Họ đã trưởng thành để hiểu biết về Trung Quốc như một kẻ nô lệ biết về chủ của họ (nv: dưới ách Bắc thuộc), họ biết từ những điều hay nhất cũng như đến cái tồi tệ nhất của Trung Quốc. Người Việt có thể thưởng thức những vần thơ Đường họ viết, nhưng cũng có thể là những người hung dữ trong việc chống trả lại những đạo quân Trung Quốc. Họ đã dày kinh nghiệm để có thể sống còn dưới bóng của đế quốc hùng mạnh nhất trên trái đất.

*Nền độc lập của người Việt không phải đột nhiên xuất hiện ở thế kỷ thứ 10 chỉ vì sự yếu kém của người Trung Quốc. Trung Quốc chưa bao giờ từ bỏ ý định việc đô hộ người Việt và đã nhiều lần tái chinh phục Việt Nam. Nhưng, đến thế kỷ thứ 10, người Việt đã gây dựng được ý chí và đủ thông minh để có thể chống lại sức mạnh của Trung Quốc. Ý chí và sự thông minh này đã trưởng thành trong những thế kỷ dưới ách Bắc thuộc, điều này đã nảy mầm trong sự kiên quyết duy trì (nv: ý chí) bởi người Việt: **họ không phải và không muốn là ... người Trung Quốc. ...** "*

Trần Việt Bắc

Nam California,

Ngày 23, tháng 6, năm 2007

Tham Khảo

- Đại Việt Sử Lược, soạn giả: Khuyết danh, dịch giả: Nguyễn Gia Tường, 1972. Ấn bản điện tử: Công Đệ, Lê Bắc.
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, bản in Nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697). Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1998.

⁵⁶ Nếu có điều yếu kém trong đoạn lược dịch này, xin độc giả góp ý kiến để người viết có thể chỉnh lại.

⁵⁷ "*The Birth of Vietnam*" by Keith Weller Taylor, University of California Press, page XXI I:

"Introduction:

....

Tenth-century Vietnamese were very different from their ancestors of twelve century before. They had grown to understand China as only a slave can know its master; they knew China at its best and at its worst. They could enjoy composing poetry in T'ang style verse, but they could also be fierce in their resistance to Chinese soldiers. They had become expert at surviving in the shadow of the mightiest empire on earth.

Vietnamese independence did not suddenly appear in the tenth century solely as a result of Chinese weakness. China never renounced its presumed right to rule Vietnamese and has more than once tried to reconquer Vietnam. But, by tenth century, the Vietnamese had developed a spirit and intelligence capable of resisting Chinese power. This spirit and intelligence matured during centuries of Chinese rule; it was rooted in a conviction held by Vietnamese that they were not, and did not want to be, Chinese.

... "

- Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn soạn thảo (1856-1881). Viện Sử Học dịch (1957-1960). Nhà xuất bản Giáo Dục (Hà Nội) ấn hành 1998.
- An Nam Chí Lược, Lê Tắc, dịch giả: Ủy ban dịch sử liệu Việt Nam, nhà xuất bản: Viện Đại Học Huế, ấn bản điện tử: Công Đệ, Doãn Vượng, Lê Bắc.
- Việt Điện U Linh tập của Lý Tế Xuyên, bản dịch của Lê Hữu Mục, cơ sở xuất bản Đại Nam
- Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp, nguồn từ Internet:
<http://www.dunglac.net/thuvien/linhnam-00-ml.htm>
- Vân Đài Loại Ngữ của Quế Đường Lê Quý Đôn do Phạm Vũ và Lê Hiền dịch và chú giải, xuất bản bởi nhà sách Tự Lực
- Phương Đình Địa dư chí của Nguyễn Văn Siêu, nhà xuất bản Văn Hoá Thông Tin
- Đại Nam Nhất Thống Chí của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, nhà xuất bản Thuận Hoá
- Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim- Nhà xuất bản Văn Hoá Thông Tin-1999.
- Việt Sử Tân Biên- Phạm Văn Sơn-Nhà xuất bản Đại Nam
- Việt Sử Toàn thư- Phạm Văn Sơn-Nhà xuất bản Đại Nam
- Đại Việt Sử Ký Tiền Biên, Ngô Thời Sĩ, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1997.
- Việt Sử Tiêu Án, Ngô Thời Sĩ, dịch giả: Hội Việt nam nghiên cứu liên lạc văn hóa Á Châu, nhà xuất bản Văn Sử. Ấn bản điện tử : Công Đệ, Doãn Vượng, Lê Bắc.
- Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt 1971, được in lại bởi nhà xuất bản Xuân Thu, Los Alamitos California
- Đại Việt Sử Cương của Trần Gia Phụng, Nhà xuất bản Non Nước, Toronto 2004
- Sử Trung Quốc của Nguyễn Hiến Lê, nguồn từ Internet:
<http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtvq3m3237n2n1n4nqn31n343tq83a3q3m3237nvn>
- Lịch Sử Trung Quốc 5000 năm của Lâm Hán Đạt và Tào Dự Chương,, dịch giả Trần Ngọc Thuận, nhà xuất bản Trẻ.
- Hoài Nam Tử của Lưu An, nguồn từ Internet:
http://www.geocities.com/fengshui_clasicos/HuaiNanZi.html
- Sử Ký của Tư Mã Thiên, nguồn từ Internet: <http://www.chinapage.com/big5/big5-history.html>
- Hán Thư của Ban Cố, nguồn từ Internet
<http://www.chinapage.com/big5/big5-history.html>
- Hậu Hán Thư của Phạm Việp, nguồn từ Internet
<http://www.chinapage.com/big5/big5-history.html>
- Tấn Thư, nguồn từ Internet <http://www.chinapage.com/big5/big5-history.html>
- Thủy Kinh chú của Lịch Đạo Nguyên, nguồn từ Internet: <http://www.workgroup.cn/dir.aspx?45>
- Thủy Kinh Chú Sớ của Dương Thủ Kính và Hùng Hội Trinh, dịch giả Nguyễn Bá Mão, nhà xuất bản Thuận Hoá, 2005
- Từ Điển Văn Học Cổ Điển Trung Quốc, Nguyễn Tôn Nhan sưu tập tư liệu và biên dịch, nhà xuất bản Văn Nghệ
- The Birth of Vietnam của Keith Weller Taylor, University of California Press
- Tigers, Rice, Silk & Silt của Robert B. Marks, Cambridge University Press
- Các bài viết của Dr. Rafe de Crespigny, Faculty of Asian Studies, Australian National University trong http://www.anu.edu.au/asianstudies/decrepigny/south_china.html
- Các bài viết trong <http://www.chinaknowledge.de/History/Myth/prehistory-map.html>
- The Atlas of China Knowledge, Xi'an Cartographic Publishing House, SinoMaps press in 2002
- Historical Atlas of South-East Asia của Jan M. Pluvier, nhà xuất bản E.J.Brill, Netherland 1995

- The Zhuang: A Longitudinal Study of Their History and Their Culture by Jeffrey Barlow,
<http://mcel.pacificu.edu/as/resources/zhuang/index.html>
- Bản đồ từ các bài viết của Dr. Rafe de Crespigny, Faculty of Asian Studies, Australian National

Phụ chú

Các bản đồ liên quan đến vấn đề Giao Chỉ và Tượng quận ⁵⁸

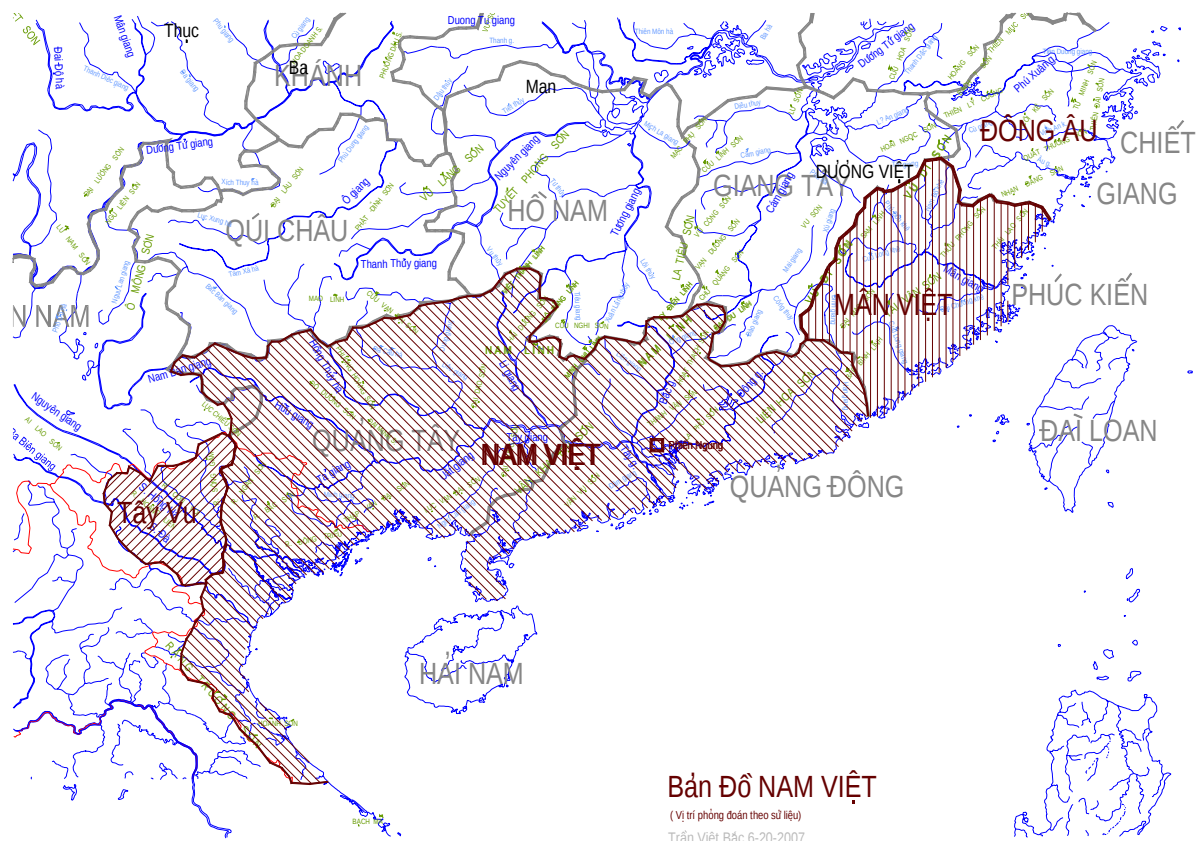
⁵⁸ Bản đồ do người viết (Trần Việt Bắc) vẽ với những địa danh phiên âm Hán Việt. Có thể sẽ có sự sai lầm. Kính xin độc giả góp ý kiến.



Bản đồ số 13 – Trung Quốc và các quận thời Tần



Bản đồ số 14 – Trung Quốc và các quận thời Tiên Hán



Bản đồ số 15 – Nước Nam Việt (Vị trí phỏng đoán theo sử liệu)